

## **LỜI NÓI ĐẦU**

Bước sang thời kỳ đổi mới đất nước, thời kỳ đổi mới nền kinh tế thị trường, với chính sách đường lối của Đảng và Nhà nước đưa ra nhằm duy trì cơ chế mới, thúc đẩy tận dụng tối đa nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, để đảm bảo nhu cầu tiêu dùng, đời sống nhân dân tích lũy, tăng thu nhập quốc dân, kích thích phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt từ khi luật Doanh nghiệp chính thức có hiệu lực (tháng 01/2000) đã khẳng định một bước đổi mới trong hệ thống pháp lý, tạo ra môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động, nhằm phát huy sức mạnh nền kinh tế.

Từ thực tế cho thấy số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngày càng tăng. Bên cạnh đó việc tạo ra của cải vật chất cho xã hội ngày càng phát triển, việc tiêu thụ sản phẩm hàng hoá là vấn đề quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp không những có nhiệm vụ thu mua gia công chế biến hàng hóa, sản xuất sản phẩm mà phải tổ chức tốt khâu tiêu thụ hàng hóa. Tiêu thụ là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh. Thông qua tiêu thụ, giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm được thực hiện, đơn vị thu hồi được cả vốn bỏ ra. Cũng chính trong giai đoạn tiêu thụ này, bộ phận giá trị mới sáng tạo ra trong khâu sản xuất được thực hiện và biểu hiện dưới hình thức lợi nhuận.

Mục tiêu của kinh doanh là lợi nhuận, bên cạnh đó cũng không ít rủi ro. Muốn có được thành công đòi hỏi doanh nghiệp phải tìm tòi nghiên cứu thị trường, trên cơ sở đó đưa ra quyết định các sản phẩm tiêu thụ. Để phản ánh và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho người quản lý kinh doanh nhằm đưa ra quyết định đúng đắn phù hợp với tình hình thực tế đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán một cách học khoa học hợp lý. Công tác kế toán còn thực hiện chức năng phản ánh và giám đốc một cách liên tục, toàn diện và có hệ thống tất cả mọi hoạt động kinh doanh, kiểm tra sử dụng vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động của doanh nghiệp.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt, công ty Cổ phần Phú Hải đã tồn tại và phát triển, chủ động trong việc tiêu thụ hàng hoá. Song

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

song với quá trình đó thì bộ phận kế toán của công ty cũng từng bước hoàn thiện và phát triển.

Quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty Cổ phần Phú Hải, em đã lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Phú Hải”. Trong khoá luận này tập trung đánh giá tình hình chung của đơn vị về quản lý và kế toán, phân tích quy trình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở đơn vị, phương hướng, biện pháp giải quyết các vấn đề thực tế còn tồn tại.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn bao gồm 3 phần:

***Phần I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

***Phần II: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Phú Hải.***

***Phần III: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Phú Hải.***

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khoá luận này còn rất nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn, em được học hỏi nhiều hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Sinh viên

**Nguyễn Thị Ngọc**

**PHẦN MỘT**

**TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.1.1 Một số khái niệm cơ bản**

➤ Hàng hóa:

Hàng hóa là những vật phẩm các doanh nghiệp mua về để bán phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội.

➤ Thành phẩm:

Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc giai đoạn cuối cùng của quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm đó, đã qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, được nhập kho hoặc giao trực tiếp cho khách hàng.

- Sản phẩm sản xuất: là kết quả của quá trình sản xuất.

- Sản phẩm tiêu thụ: là kết quả của hoạt động thương mại.

- Bán hàng: là quá trình chuyển giao quyền sở hữu từ 1 người bán đến 1 người mua, đồng thời người bán có quyền yêu cầu người mua thanh toán tiền cho số sản phẩm đã được chuyển giao.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu: là thời điểm người mua chấp nhận thanh toán.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và phụ.

- Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp (nợ không ai đòi, thu về thanh lý TSCĐ, tài sản thừa chưa rõ nguyên nhân...)

- Hình thức thanh toán: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt (thanh toán bằng chuyển khoản...)

➤ Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

+ Doanh thu bán hàng: là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu bán hàng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

+ Doanh thu thuần: là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Chiết khấu thương mại: là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do việc khách hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận sẽ được hưởng chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng mua bán.

- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn...

- Hàng bán bị trả lại: là số hàng đã được kế toán phản ánh là tiêu thụ nhưng người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân thuộc về người bán.

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào giá trị hàng hóa di chuyển giữa các quốc gia.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là một sắc thuế đánh vào giá trị hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

➤ Chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch,... nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị gốc của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, lao vụ đã được tiêu thụ trong kỳ, ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn để xác định kết quả. Xác định đúng giá vốn có ý nghĩa rất quan trọng vì từ đó doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh.

+ Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và những hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý: bao gồm toàn bộ lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của ban Giám đốc, nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng trong doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu: bao gồm các khoản chi phí vật liệu liên quan đến bán hàng.

- Chi phí công cụ đồ dùng: phản ánh giá trị công cụ đồ dùng phục vụ cho công tác bán hàng và công tác quản lý.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí về dịch vụ mua ngoài như tiền nước, tiền điện, tiền điện thoại...

➤ **Doanh thu tài chính, chi phí tài chính**

- Doanh thu tài chính bao gồm: các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính như tiền lãi gồm tiền lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư tín phiếu, trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản...; cổ tức, lợi tức được chia, chênh lệch lãi chuyên nhượng.

- Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ có liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch mua bán

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

chứng khoán, các khoản trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ...

### ➤ Chi phí khác, thu nhập khác

Chi phí khác, thu nhập khác là những khoản thu nhập hay chi phí mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc đó là những khoản thu chi không mang tính thường xuyên. Các khoản thu nhập khác và chi phí khác phát sinh có thể do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp hoặc do khách quan mang lại.

### ➤ Kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được thể hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

- Tổng lợi nhuận trước thuế là tổng kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Tổng lợi nhuận sau thuế là số chênh lệch giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

## **1.1.2 Phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

### **1.1.2.1 Phân loại doanh thu.**

Tùy theo từng loại hình sản xuất kinh doanh có các loại doanh thu sau:

➤ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm,

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu được xác định là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được xác định là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm thuế GTGT).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu được xác định là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

### ➤ Doanh thu hoạt động tài chính

Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp như góp vốn liên doanh, đầu tư chứng khoán...

Mọi khoản thu nhập liên quan đến hoạt động đầu tư về vốn hoặc kinh doanh về vốn tạo thành chỉ tiêu doanh thu hoạt động tài chính.

+ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản sau:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư tín phiếu, trái phiếu; chiết khấu thanh toán được hưởng do mua vật tư hàng hóa; lãi cho thuê tài chính...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.

- Thu nhập từ đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỉ giá ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn.

.....

+Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Ngoài ra còn có các khoản thu nhập khác.

### **1.1.2.2 Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh**

- Phân loại theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí, bao gồm:
  - Chi phí vật tư
  - Chi phí nhân công
  - Chi phí khấu hao tài sản cố định
  - Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - Chi phí bằng tiền khác

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp hiểu rõ cơ cấu, tỉ trọng của từng yếu tố chi phí và xu hướng thay đổi của từng yếu tố chi phí sản xuất

- Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí, bao gồm:
  - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
  - Chi phí nhân công trực tiếp
  - Chi phí sản xuất chung
  - Chi phí bán hàng
  - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Cách phân loại này là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ lập định mức chi phí, kế hoạch giá thành sản phẩm kỳ sau.

- Phân loại theo phương pháp tập hợp chi phí, bao gồm:
  - Chi phí trực tiếp
  - Chi phí gián tiếp

Cách phân loại này giúp kế toán xác định phương pháp tập hợp chi phí vào các đối tượng, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

### **1.1.2.3 Phân loại kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.



## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng cách so sánh một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...)

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh doanh nghiệp có lãi hay bị lỗ, có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra được những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Đây cũng là nguồn giúp các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, là nguồn để tham gia đóng góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với nền kinh tế.

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí phát sinh thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp.

Xác định đúng kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu thế phát triển, từ đó doanh nghiệp đưa ra được những chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

### **1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Vì vậy kế toán cần hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

**1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu**

**❖ Một số quy định khi hạch toán doanh thu**

- Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

- Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá khi đã thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

+ Doanh thu xác định tương đối chắc chắn;

+ Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch khách hàng;

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy và được ghi nhận trong kỳ theo kết quả công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

– Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại, theo từng khoản doanh thu theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

– Về nguyên tắc, cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh. Các tài khoản thuộc loại tài khoản doanh thu không có số dư cuối kỳ.

### **❖ Phương pháp kế toán doanh thu:**

#### **• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **➤ Chứng từ sử dụng:**

Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm :

- Hóa đơn GTGT: dùng cho doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT, hóa đơn GTGT cần nêu rõ ba mục: giá bán chưa tính thuế GTGT, thuế GTGT và tổng giá thanh toán. Mỗi hóa đơn được lập cho những sản phẩm, dịch vụ có cùng thuế suất.

- Hóa đơn bán hàng: dùng cho doanh nghiệp áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc những mặt hàng không phải chịu thuế GTGT.

- Bản thanh lý hàng đại lý, ký gửi

- Thẻ quầy hàng

- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bản sao kê của ngân hàng...

- Tờ khai thuế GTGT

- Chứng từ liên quan như phiếu nhập kho hàng trả lại...

Căn cứ vào chứng từ bán hàng là các hóa đơn bán hàng kèm giấy đề nghị mua hàng, kế toán tiêu thụ thành phẩm sẽ tiến hành ghi sổ chi tiết bán hàng cho từng loại thành phẩm. Ngoài giá bán thực tế tiêu thụ trong kỳ, kế toán phải theo dõi các khoản phí phụ thêm hoặc các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của nhà nước.

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Từ hóa đơn bán hàng, kế toán xác định số thuế GTGT đầu ra với các doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ, thuế TTĐB đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu cho từng loại sản phẩm. Cuối kỳ kế toán lập bảng tổng hợp thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu cho tất cả số thành phẩm tiêu thụ trong kỳ.

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng và phiếu thu kế toán vào sổ thanh toán với người mua. Sổ chi tiết thanh toán với người mua được mở trang riêng cho tất cả khách hàng thường xuyên hay không thường xuyên. Ngoài ra kế toán còn phải theo dõi thời hạn thanh toán cũng như các khoản chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Qua đó nhân viên phụ trách công nợ sẽ có kế hoạch đôn đốc khách hàng trả nợ đúng hạn.

### **➤ Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm.
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác.

### **➤ Một số quy định khi hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

– Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu bao gồm cả các khoản phụ thu, phí thu thêm ngoài giá bán.

– Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

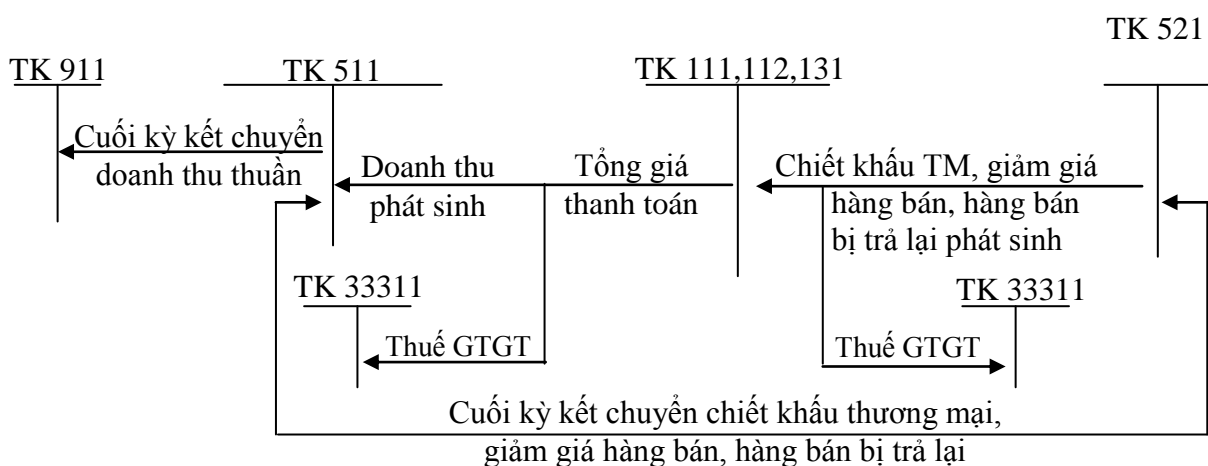
thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Không hạch toán vào Tài khoản 511 các trường hợp sau:
  - + Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.
  - + Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi bán; dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được xác định là đã bán.
  - + Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi đại lý, ký gửi (Chưa được xác định là đã bán).
  - + Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

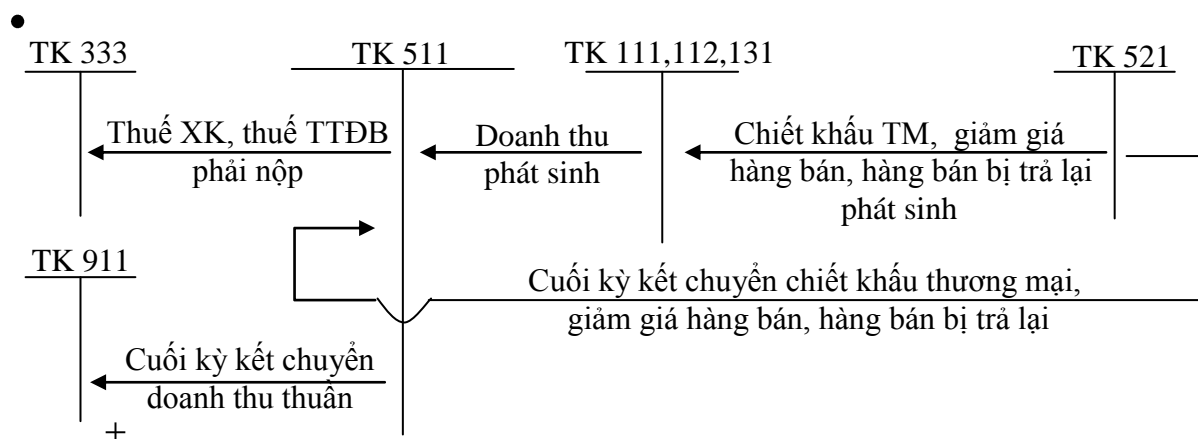
### ➤ Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sơ đồ số 1.1:

KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ  
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



**KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**  
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



• **Doanh thu hoạt động tài chính**

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng : Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính, dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi : Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân Hàng, lãi bán hàng trả chậm, ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; liên doanh, đầu tư, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái, Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

• **Một số quy định khi hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh trên Tài khoản 515 bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu

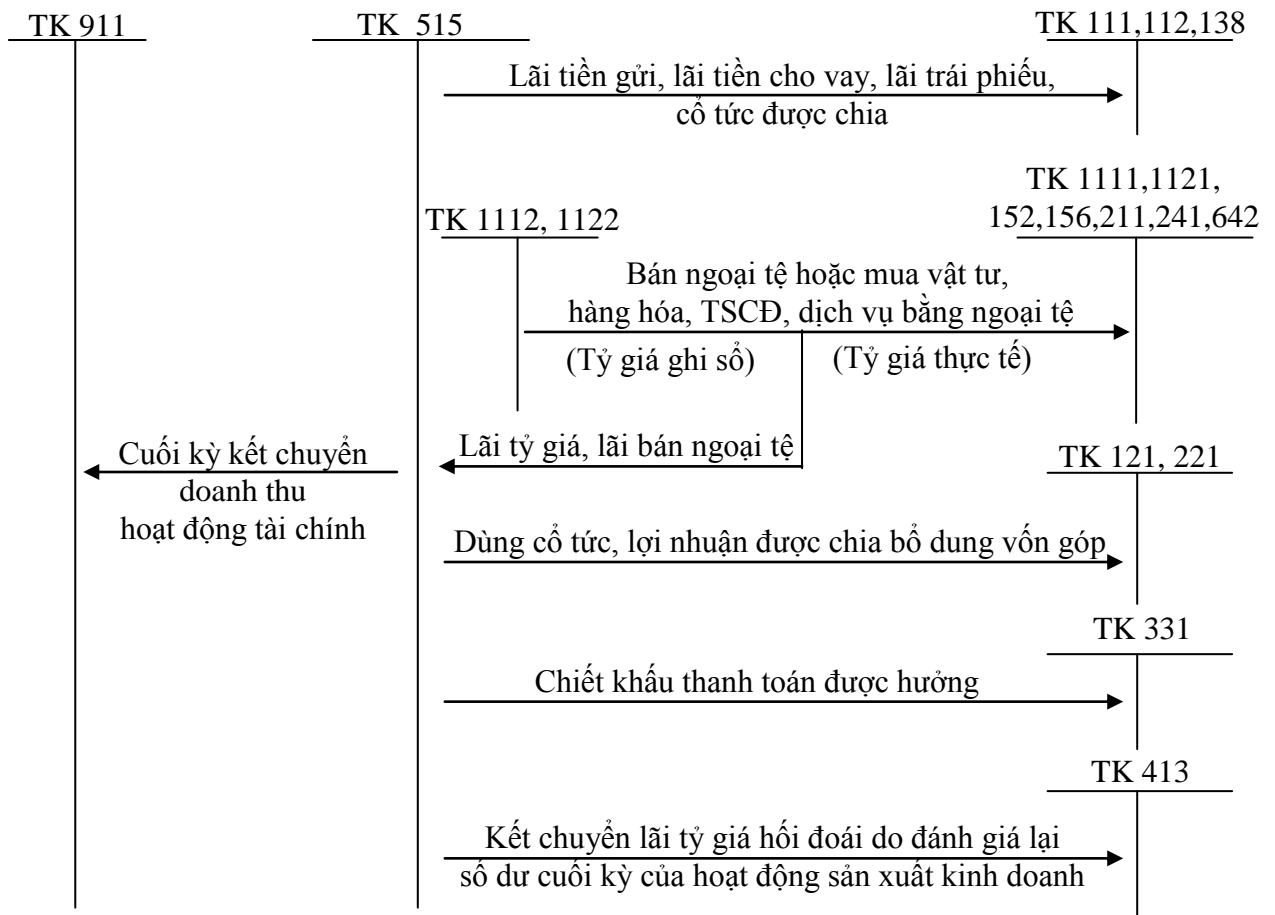
## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

➤ *Sơ đồ kế toán Doanh thu hoạt động tài chính*

Sơ đồ số 1.3:

### KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH





• **Thu nhập khác**

➤ **Tài khoản sử dụng:**

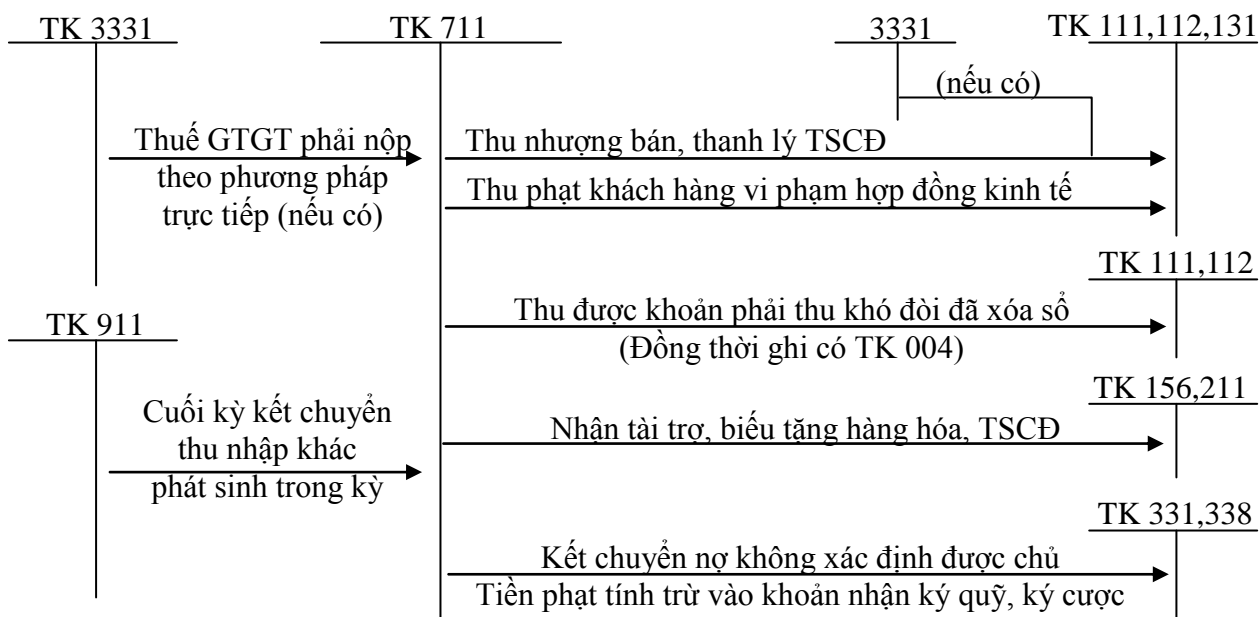
Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 – Thu nhập khác, dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tại ra doanh thu của doanh nghiệp. Loại tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập khác trong kỳ.

➤ **Một số quy định khi hạch toán thu nhập khác**

Nội dung của thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
  - Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản là thuê tài chính;
  - Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
  - Thu nhập các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
  - Một số khoản thuế được NSNN hoàn lại;
  - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
  - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
  - Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.
- **Sơ đồ kế toán thu nhập khác.**

**KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC**



**1.3.2, Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

• **Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại.
- Tài khoản 5212 - Giá trị hàng bán bị trả lại.
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán.

➤ **Một số quy định khi hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:**

– Tài khoản này chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại khi bán hàng được ghi trên hóa đơn hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng, chỉ phản ánh giá trị của số hàng bị trả lại đúng bằng số lượng hàng bị trả lại nhân đơn giá bán ghi trên hóa đơn và chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn. Không hạch toán vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn và đã được trừ vào tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn.

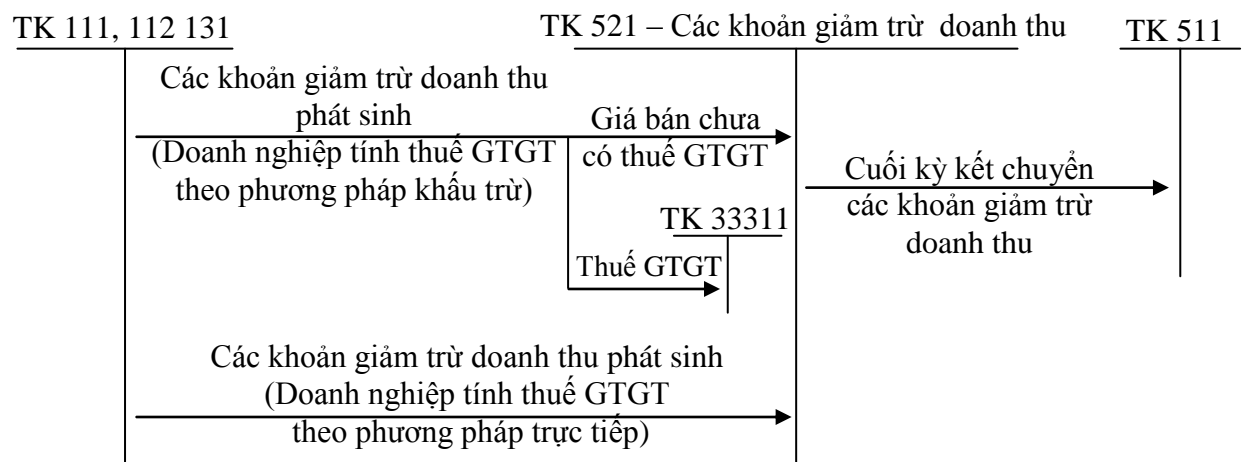
## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

– Trong kỳ hạch toán, các khoản giảm trừ doanh thu thực tế phát sinh được phản ánh vào bên Nợ Tài khoản 521. Cuối kỳ, kết chuyển tổng số tiền giảm trừ doanh thu vào Tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần thực tế trong kỳ.

### ➤ Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ số 1.5:

## KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI, GIẢM GIÁ HÀNG BÁN, HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI



### 1.3.3, Tổ chức kế toán chi phí

#### ❖ Một số quy định khi hạch toán chi phí

Mỗi doanh nghiệp, chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ và được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ để xác định trị giá vật tư, hàng xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

❖ **Phương pháp kế toán chi phí:**

• **Giá vốn hàng bán:**

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng
- Hóa đơn GTGT...

Để theo dõi kế toán giá vốn hàng bán, chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho. Khi xuất thành phẩm, hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hóa đồng thời làm cơ sở vào sổ tiết vật liệu, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa. Đồng thời ghi nhận về số lượng hiện vật, kho hàng sử dụng thẻ kho.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán, phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

➤ **Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán:**

Chỉ hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra: chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

➤ **Các phương pháp tính giá xuất kho**

Kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thực tế tài sản mua vào:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{thực tế tài} \\ \text{sản mua} \\ \text{vào} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{thực tế phát sinh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết} \\ \text{thương mại, giảm} \\ \text{giá hàng mua} \\ \text{được hưởng} \end{array}$$

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Kế toán tính trị giá hàng hóa đã tiêu thụ:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Trị giá vốn thực} & & \text{Trị giá vốn} & & \text{Trị giá vốn} & & \text{Trị giá vốn} & & \text{Trị giá vốn} \\ \text{tế của hàng hóa} & & \text{thực tế của} & & \text{thực tế của} & & \text{thực tế của} & & \text{thực tế của} \\ \text{xuất bán tiền} & = & \text{hàng hóa} & + & \text{hàng hóa} & - & \text{hàng hóa} & - & \text{hàng hóa tồn} \\ \text{thu trong kỳ} & & \text{còn lại đầu} & & \text{mua vào} & & \text{gửi bán} & & \text{kho còn lại} \\ & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo chế độ kế toán hiện hành - Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) và tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

– Phương pháp bình quân gia quyền :

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá vốn bình quân giá quyền lại có thể được tính theo một trong hai cách sau:

+ Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần xuất } j = \frac{\text{Trị giá hàng tồn dòng kế trên xuất } j}{\text{Lượng hàng tồn dòng kế trên xuất } j}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập kê trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại hàng khác nhau phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng.

Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

– Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

– *Phương pháp nhập sau, xuất sau (LIFO)*: kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

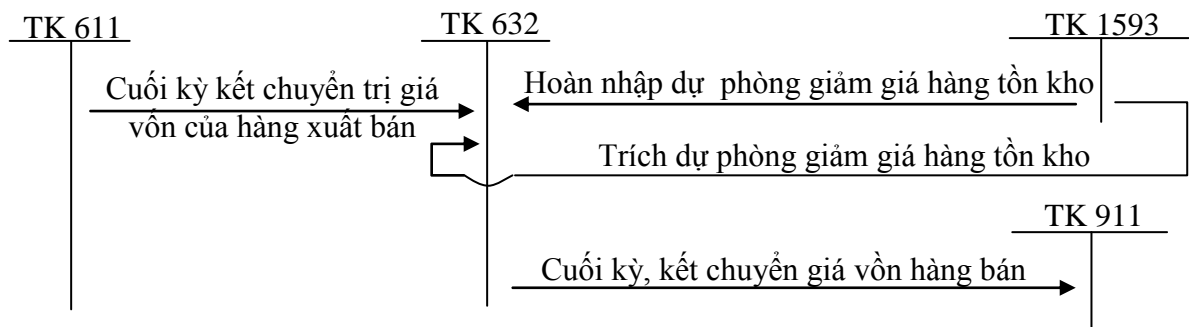
– *Phương pháp giá đích danh*: giá của hàng tồn kho sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đó.

### ➤ Sơ đồ kế toán Giá vốn hàng bán

Sơ đồ số 1.6:

#### KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

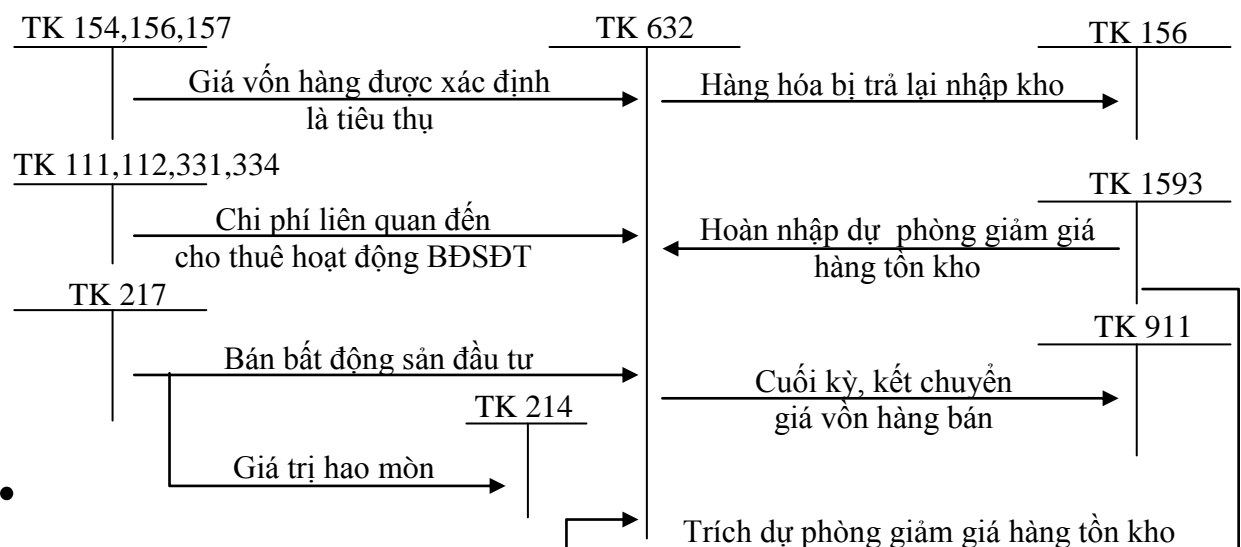
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



Sơ đồ số 1.7:

#### KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



• **Kế toán chi phí tài chính**

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635 – Chi phí tài chính, phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết... Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

➤ **Một số quy định khi hạch toán chi phí hoạt động tài chính**

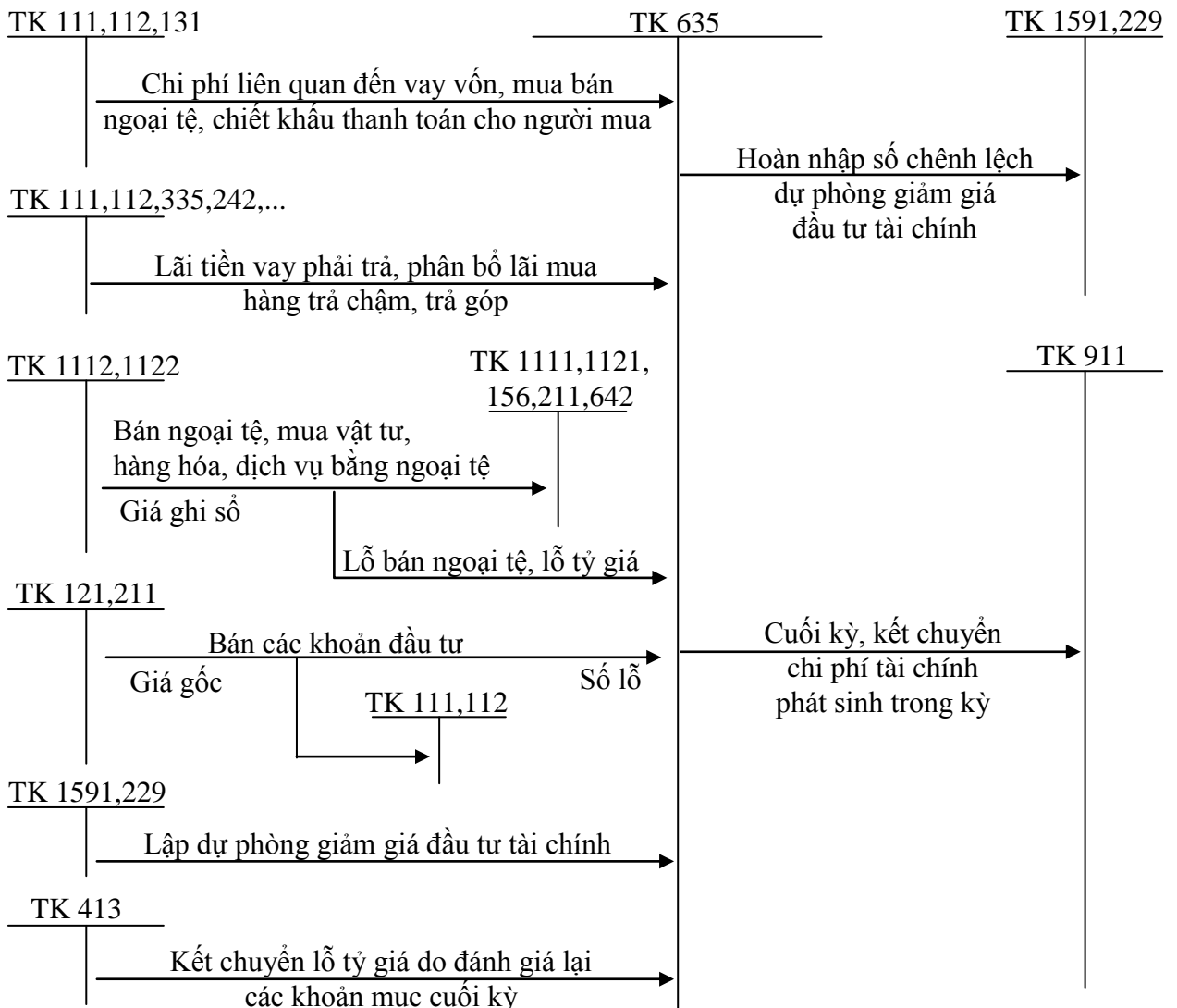
Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí quản lý kinh doanh;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí khác.

➤ **Sơ đồ kế toán Chi phí hoạt động tài chính:**

Sơ đồ số 1.8:

**KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH**



• **Kế toán chi phí kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

• **Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí



## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng khác bằng tiền phục vụ cho công tác bán hàng.

- ***Chi phí quản lý doanh nghiệp:***

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Chứng từ thanh toán phục vụ bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, séc thanh toán...

- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

- Hóa đơn GTGT

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”:

Bên nợ : chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

Bên có :

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

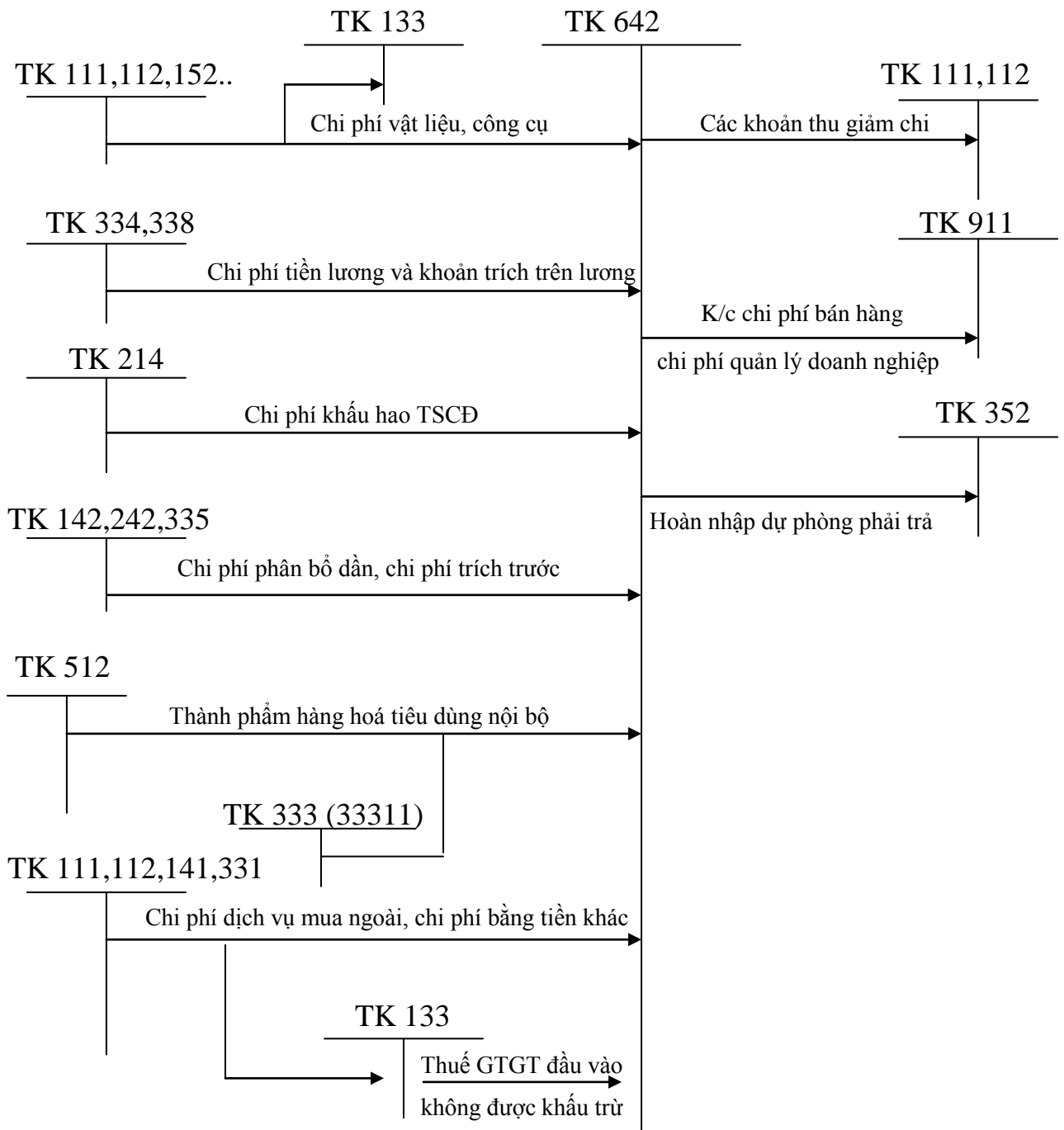
- Tài khoản 6421 – chi phí bán hàng : dùng để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

- Tài khoản 642- chi phí quản lý doanh nghiệp : dùng để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

➤ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



• **Chi phí khác**

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811 – Chi phí khác, phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

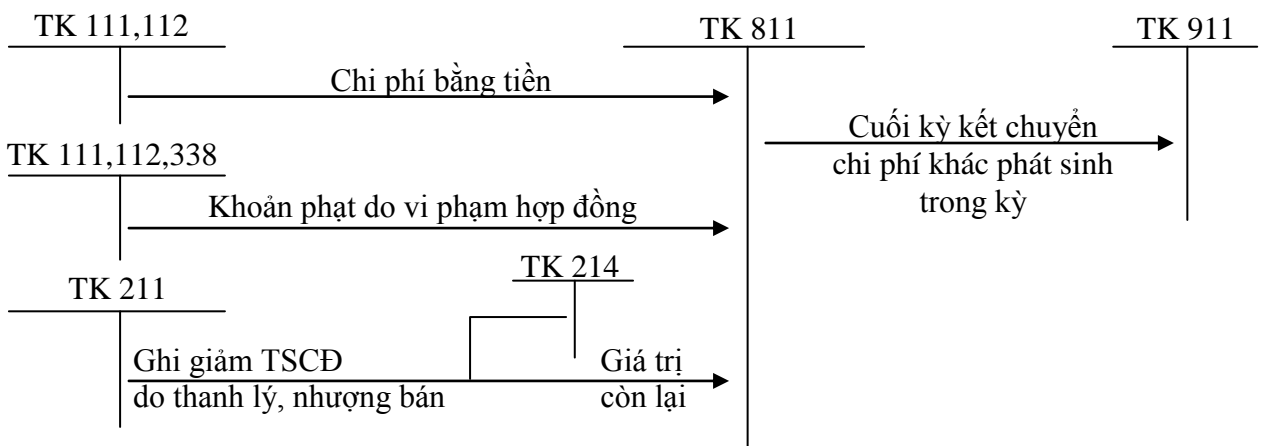
Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác: chi cho tài trợ, viện trợ, biếu tặng;

➤ **Sơ đồ kế toán Chi phí khác:**

Sơ đồ số 1.10:

**KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC**



• **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, dùng để phản ánh chi phí chịu thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

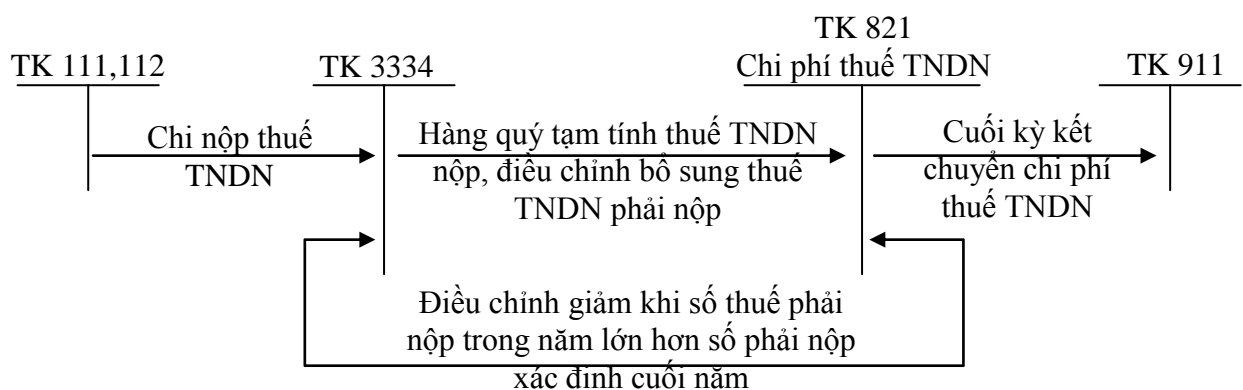
### ➤ Quy định khi hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện sai sót trọng yếu hoặc không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp điều chỉnh (tăng, giảm) vào số dư đầu năm của các Tài khoản 3334 "Thuế thu nhập doanh nghiệp" và các tài khoản liên quan khác mà không phải ghi nhận vào Tài khoản 821.

### ➤ Sơ đồ kế toán Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Sơ đồ 1.11:

#### KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



### 1.3.4, Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### ❖ Một số quy định khi hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 911 phải phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh có thể được hạch toán chi tiết theo từng hoạt động, trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ tùy theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Các khoản doanh thu và thu nhập khác được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

### ❖ Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh

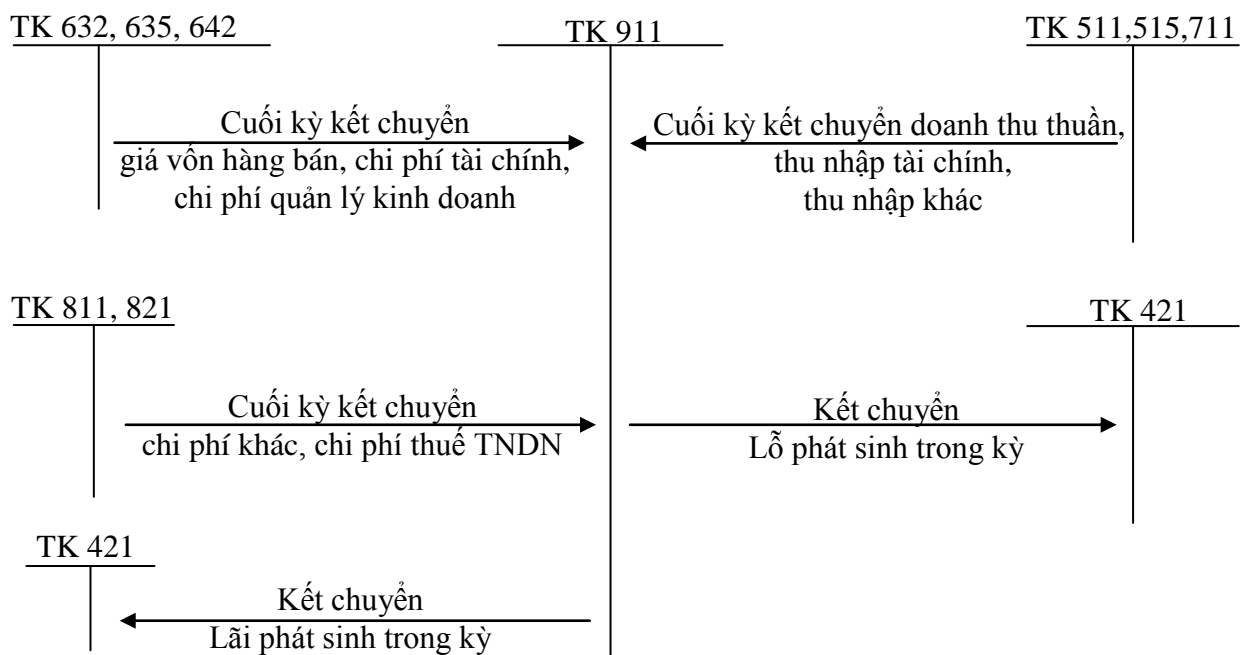
#### ➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phải phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

#### ➤ Sơ đồ kế toán Xác định kết quả kinh doanh:

Sơ đồ số 1.12:

### KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



### 1.4, Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ chuyên nghiệp của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái;
- Hình thức Nhật ký - Chứng từ;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

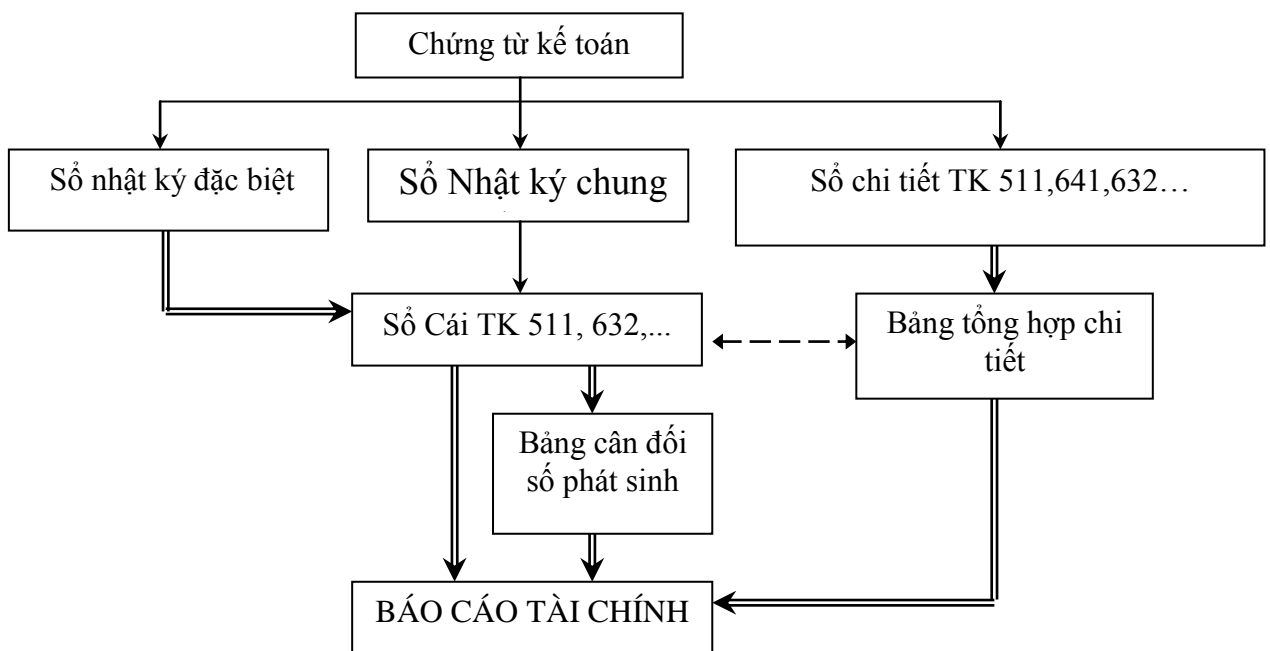
**1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.**

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

*Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC*



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

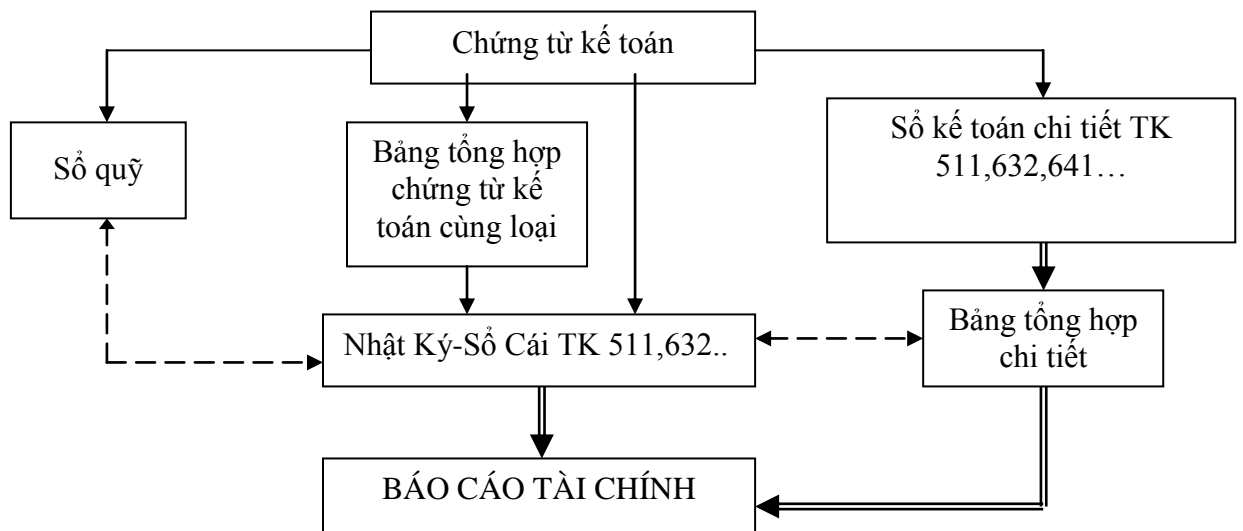
**1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.**

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế ( theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

*Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái*



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

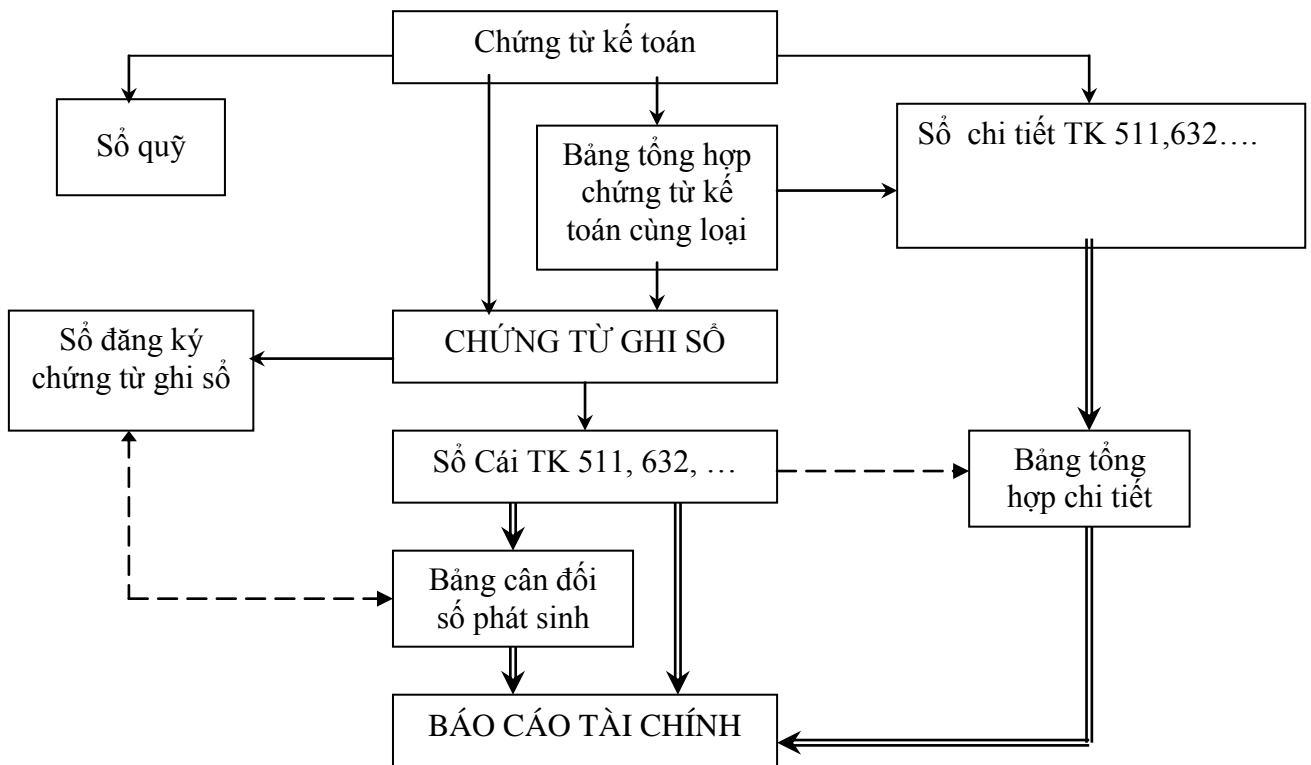
**1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.

Các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

*Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ*



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



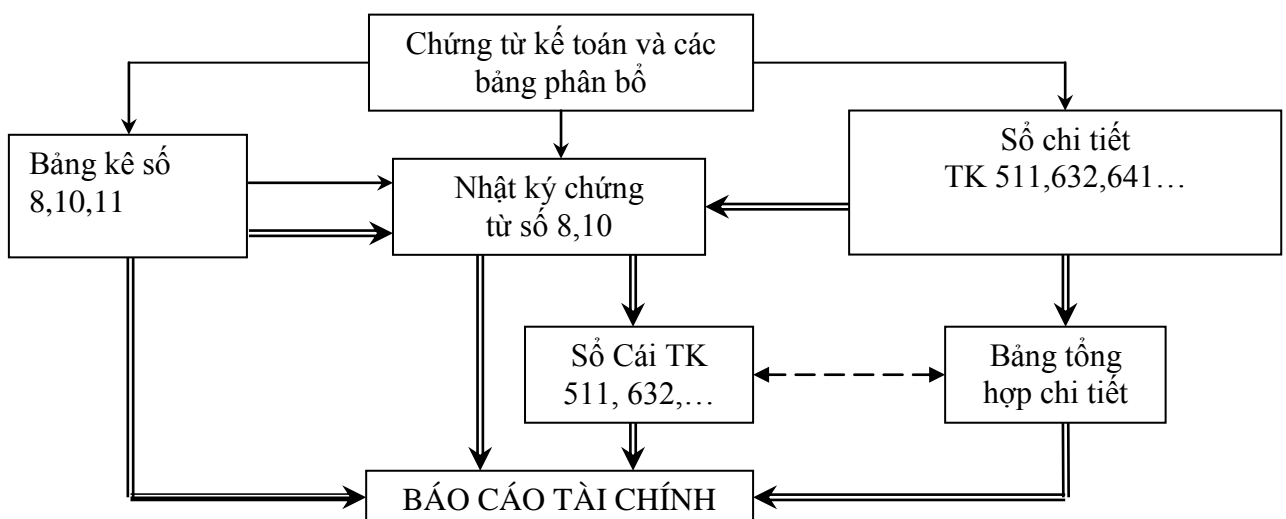
**1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ**

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

*Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ*



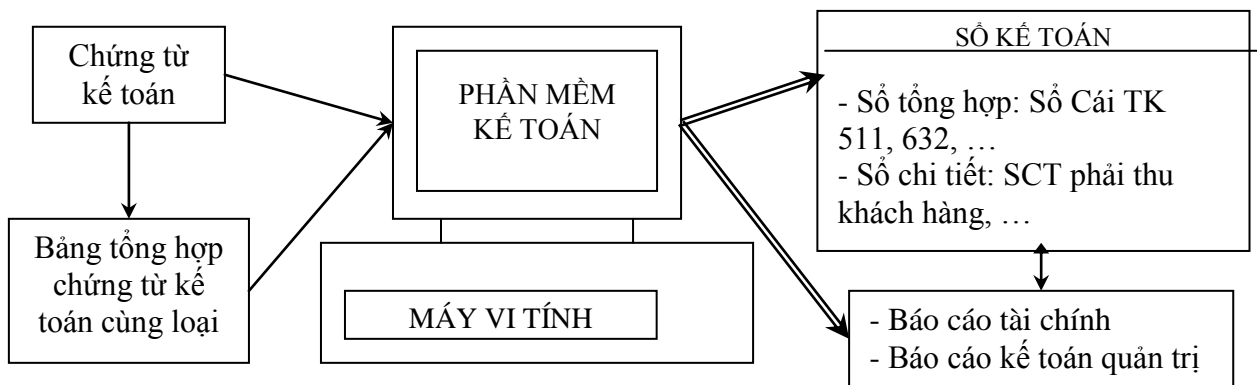
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

Các loại sổ chủ yếu: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.

*Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính*



**Ghi chú**

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**PHẦN HAI:**

**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI**

**2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Phú Hải**

Công ty cổ phần Phú Hải được thành lập ngày 12 tháng 3 năm 2004 những năm qua đã từng bước trưởng thành, vững vàng trong cơ chế mới. Sản xuất kinh doanh đạt mức tăng trưởng khá, sản phẩm là hàng thủ công mỹ nghệ với nhiều mẫu mã đa dạng, tinh xảo bằng chất liệu gỗ đã dần khẳng định uy tín trên thị trường Việt Nam, góp phần tạo việc làm cho lao động địa phương. Tổng diện tích của Doanh nghiệp là 10.880 m<sup>2</sup> và tổng nguồn vốn 4 tỷ đồng.

Công ty cổ phần Phú Hải là doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phú Hải

Địa chỉ: Thôn Phú Lương, xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0320.3538789

Hình thức sở hữu vốn : Vốn điều lệ và vốn pháp định

- Vốn điều lệ: 1.900.000.000 đồng

+ Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng)

+ Số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp:

Số cổ phần đã góp: 23.000 cổ phần (Hai mươi ba nghìn cổ phần)

Giá trị vốn cổ phần đã góp: 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng)

+ Số cổ phần được quyền chào bán: 17.000 cổ phần (Mười bảy nghìn cổ phần)

- Vốn pháp định:

- Danh sách cổ đông sáng lập:

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Số Giấy CMND/ CNĐKK/ QĐ thành lập	Ghi chú
1	Lê Thành Công	Thôn Phú Lương, Xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Phổ thông	7.000	700.000.000	30,4	140450688	
2	Lê Hồng Điệp	Thôn Phú Lương, Xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Phổ thông	4.000	400.000.000	17,4	141868335	
3	Lê Sĩ Mộc	Thôn Phú Lương, Xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Phổ thông	4.000	400.000.000	17,4	141206520	
4	Đỗ Văn Duy	Thôn Phú Lương, Xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Phổ thông	4.000	400.000.000	17,4	141206857	
5	Lê Thị Nhài	Thôn Phú Lương, Xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Phổ thông	4.000	400.000.000	17,4	141378372	

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, mua bán đồ gỗ

Ngành nghề kinh doanh :  
- Sản xuất, mua bán đồ gỗ  
- Dịch vụ cho thuê nhà, kho bãi  
- Chế biến nông, lâm sản  
- Mua bán vật liệu xây dựng

### **2.1.2, Những thuận lợi và khó khăn trong các năm gần đây:**

#### ***a. Thuận lợi:***

Tuy là một doanh nghiệp mới được thành lập song nhờ có những thuận lợi nhất định mà công ty đã sớm từng bước đi vào hoạt động ổn định. Đó là:

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên trong công ty được nâng cao.

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

- Sự đoàn kết nhất trí cao của người lao động dưới sự lãnh đạo đúng đắn của ban lãnh đạo công ty.

- Uy tín của công ty trên thị trường ngày càng được củng cố và nâng cao, được khách hàng tin nhiệm.

- Công ty cổ phần Phú Hải thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, giúp cho công tác quản lý dễ dàng thuận tiện.

### ***b. Khó khăn:***

- Do khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu ảnh hưởng tới tình hình tài chính của nước ta nói chung, và cũng ảnh hưởng tới tình hình huy động nguồn vốn của công ty nói riêng.

- Sự cạnh tranh gay gắt trong cơ chế thị trường, sự biến động tăng bất thường của giá cả vật tư, nhiên liệu, nguyên vật liệu, nhất là tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Do tốc độ phát triển của thành phố ngày 1 nhanh, nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty cổ phần Phú Hải ngày càng nhiều do đó phải liên tục đổi mới mẫu mã sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh với các cơ sở cùng kinh doanh.

### ***c, Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được trong giai đoạn từ 2008-2010***

- Công ty đã cung cấp những mặt hàng có mẫu mã đẹp, chất lượng đáp ứng nhu cầu theo đơn đặt hàng và thị hiếu của khách hàng.

- Được các khách hàng quen thuộc tin cậy bởi sự tiếp đón và giao hàng đúng hẹn, đảm bảo chất lượng tốt trong nhiều năm qua.

- Thu nhập của người lao động ngày càng tăng đáp ứng nhu cầu cuộc sống của họ.

- Cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm 2008-2010: Được thể hiện qua số liệu của các chỉ tiêu trong các bảng sau:

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

*Biểu 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính trong 3 năm 2008-2010:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>
Doanh thu	1.958.327.000	1.926.314.888	2.926.895.855
Lợi nhuận	190.068.850	155.764.702	220.172.727
Nộp ngân sách	52.654.413	38.941.176	55.043.182
Tổng quỹ lương	180.000.000	189.000.000	198.000.000
Tổng số lao động	60	60	60
Thu nhập/1 lao động	3.000.000	3.150.000	3.300.000

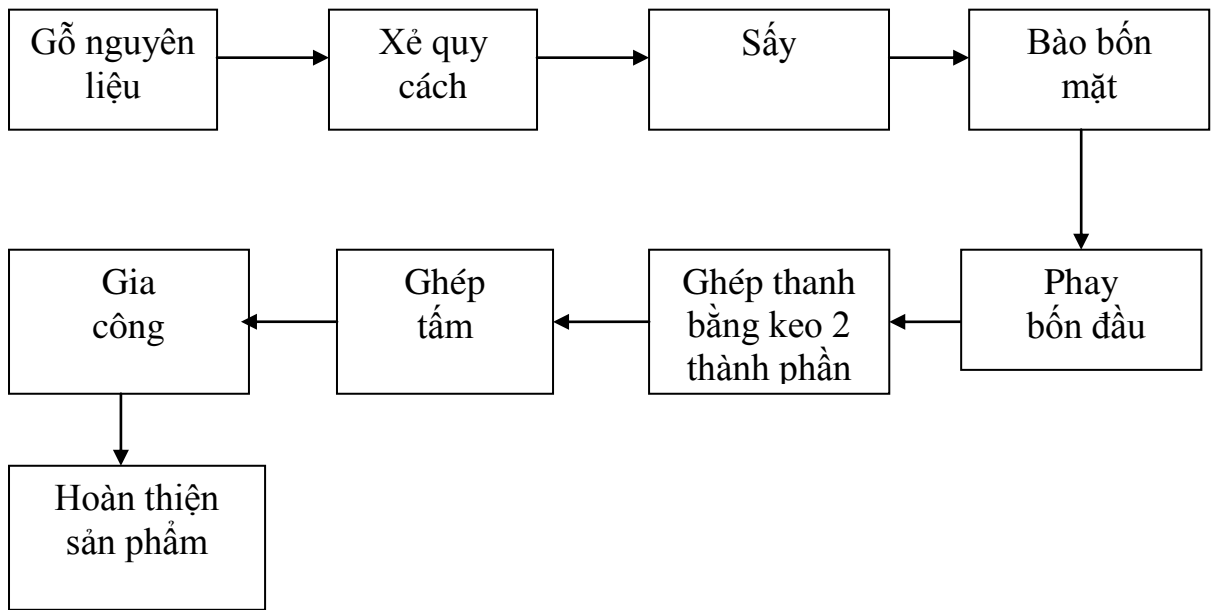
*Nhận xét:* Nhìn vào bảng biểu 1.1 ta thấy doanh thu năm 2010 cao hơn năm 2008 và năm 2009, lợi nhuận năm 2010 cao hơn năm 2009 và năm 2008. Năm 2010 doanh nghiệp đã bỏ thêm chi phí vào quá trình sản xuất nhưng doanh thu tăng không nhiều chứng tỏ tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chưa tốt. Chi phí năm 2010 (2.706.723.128 đồng) so với năm 2009 (1.770.550.186 đồng) đã tăng. Là một doanh nghiệp sản xuất do vậy có nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất việc tiết kiệm chi phí là rất tốt nhưng doanh nghiệp đã không tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bị giảm sút do vậy doanh nghiệp chưa thực hiện tốt.

### **2.1.3, Đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ và mô hình tổ chức bộ máy quản lý:**

#### **2.1.3.1. Đặc điểm sản phẩm và quy trình công nghệ:**

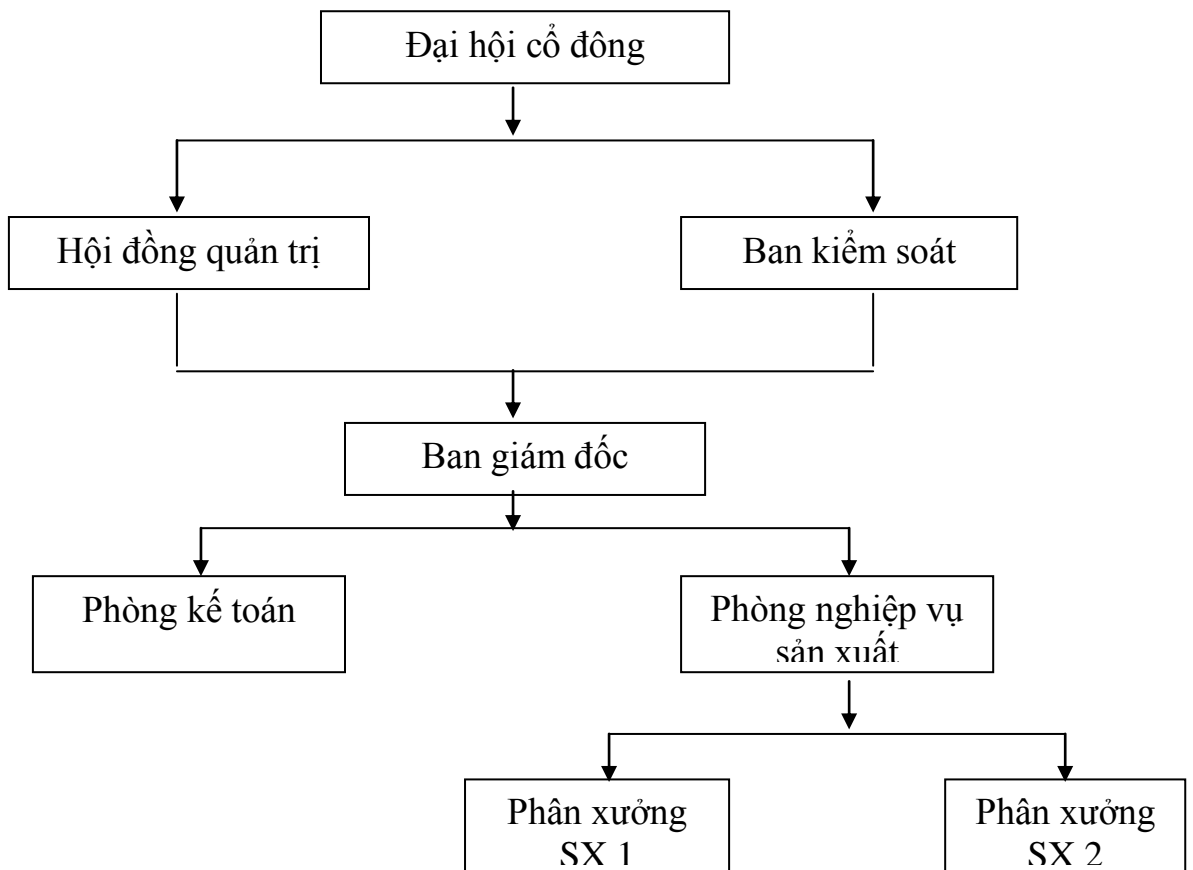
Công ty cổ phần Phú Hải sản xuất các mặt hàng dùng nguyên liệu lâm sản để sản xuất ra: bàn, ghế, tủ, gỗ công nghiệp, ván sàn, gỗ ghép thanh, ép tấm, cửa và khuôn bao các loại.

**Sơ đồ 2.2: Quy trình sản xuất đối với sản phẩm gỗ ghép thanh, ép tấm**



**21.3.2, Đặc điểm bộ máy quản lý của doanh nghiệp**

Để đảm bảo hoạt động của Công ty có hiệu quả, đúng pháp luật, phát huy sức mạnh của tập thể và của từng cá nhân đơn vị. Công ty đã bố trí tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và chỉ đạo điều hành sản xuất theo sơ đồ 2.3 dưới đây:



## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Qua sơ đồ trên cho thấy chức năng của các phòng ban như sau:

**Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng quản trị (HDQT). Đại hội cổ đông tiến hành bầu ra HDQT và Ban kiểm soát.

**Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền, nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị của công ty có chủ tịch HDQT, phó chủ tịch HDQT và các thành viên.

**Chủ tịch hội đồng quản trị:** Có quyền lập kế hoạch, chương trình hoạt động của hội đồng quản trị; tổ chức việc thông qua các quyết định của HDQT, chủ tọa họp hội đồng cổ đông....

**Phó chủ tịch hội đồng quản trị:** Có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do HDQT thực thi công việc được uỷ quyền khi chủ tịch HDQT vắng mặt. Thành viên HDQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HDQT phân công không uỷ nhiệm cho người khác.

**Giám đốc:** điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quyết định của đại hội đồng cổ đông, quyết định của hội đồng quản trị, điều lệ công ty và tuân thủ pháp luật.

**Ban kiểm soát:** Có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách và báo cáo tài chính. Thường xuyên thông báo với HDQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tham khảo ý kiến của HDQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị đại hội đồng cổ đông.

**Phòng kế toán:** Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra quản lý tài sản và nguồn hình thành tài sản, cân đối vốn và nguồn vốn. Thực hiện các quy định của Pháp luật về Kế toán và tài chính cũng như các quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Lập báo cáo tài chính, tổ chức thực hiện thanh quyết toán hàng năm với cơ quan thuế, tài chính theo quy định của Nhà nước.



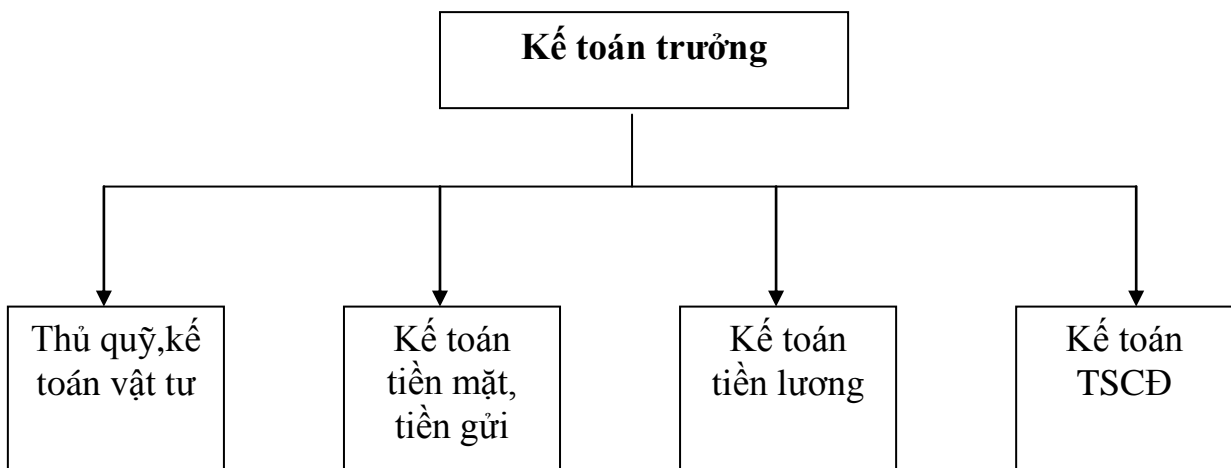
**Phòng nghiệp vụ sản xuất:** Chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác triển khai sản xuất, nhận mẫu mã hàng hóa, đơn đốc các phân xưởng sản xuất để thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo giao hàng đúng thời hạn, giữ uy tín với khách hàng về thời gian giao hàng cũng như về chất lượng, mẫu mã sản phẩm.

#### **2.1.4, Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

##### **2.1.4.1, Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

Việc tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ hạch toán kế toán trong doanh nghiệp do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin, đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán. Để đảm bảo các yêu cầu trên, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp phải căn cứ vào hình thức tổ chức công tác kế toán, vào đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; vào khối lượng, tính chất và mức độ phức tạp của các nghiệp vụ kinh tế - tài chính; cũng như trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ quản lý và cán bộ kế toán.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



❖ **Kế toán trưởng** (Trưởng phòng):

Tham mưu cho Giám đốc, chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của Công ty, giám sát việc thực hiện các chính sách kế toán, đồng thời báo cáo lên giám đốc tình hình chung của doanh nghiệp.

❖ **Thủ quỹ, kế toán vật tư:**

- Thông kê số lượng vật tư nhập xuất tồn.
- Kiểm tra đối chiếu từng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên liệu.
- Bảo quản quỹ tiền mặt, theo dõi tình hình biến động của tiền mặt tại công ty

❖ **Kế toán TSCĐ:**

- Mở sổ theo dõi các loại TSCĐ huy động vào sản xuất, tài sản không dùng và tài sản đề nghị thanh lý, lập báo cáo kiểm kê, xác định từng chủng loại tài sản, theo dõi việc sửa chữa lớn TSCĐ, xác định tỉ lệ khấu hao, lập báo cáo thống kê theo định kì việc sửa chữa lớn và duy tu.

❖ **Kế toán tiền lương:**

- Làm nhiệm vụ tính toán tiền lương bao gồm lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo quy định chung và hàng tháng tính các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

❖ **Kế toán tiền mặt, tiền gửi:**

- Thực hiện giao dịch qua ngân hàng có liên quan đến các nghiệp vụ thanh toán chuyển tiền, thanh toán bằng chuyển khoản, vay vốn ngân hàng...
- Theo dõi các khoản thu, chi, tình hình biến động của tiền mặt, tiền gửi tại công ty.

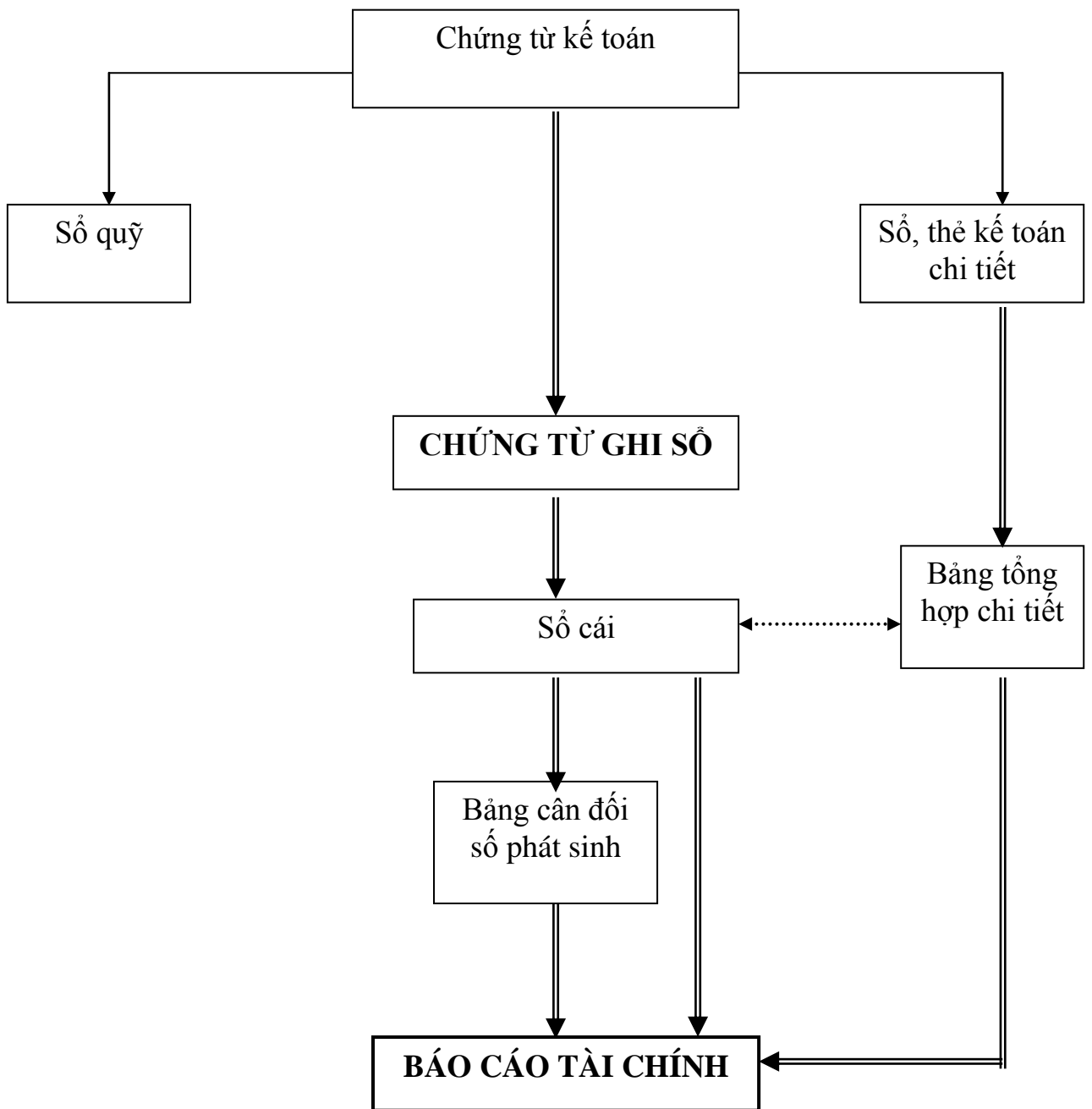
**2.1.4.2, Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp**

• **Hình thức kế toán áp dụng:**

Hình thức kế toán là hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép, hệ thống hoá và tổng hợp số liệu từ chứng từ gốc theo trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh; căn cứ vào yêu cầu quản lý cũng như điều kiện trang bị phương tiện, kỹ thuật tính toán, xử lý thông tin, công ty cổ phần Phú Hải đã lựa chọn vận dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ để ghi chép và hệ thống hoá, tổng hợp số liệu kế toán.

Sơ đồ 2.5:

***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ***



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, kế toán lập chứng từ gốc, từ chứng từ gốc kế toán vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Cuối tháng, từ chứng từ gốc kế toán vào sổ chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái.

Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- *Chính sách và phương pháp áp dụng:*

- *Chế độ kế toán:* Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

- *Kỳ kế toán:* Công ty áp dụng, lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

- *Hình thức kế toán:* Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

- *Phương pháp kê khai và nộp thuế GTGT:* Công ty kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- *Phương pháp tính giá xuất kho:* Công ty tính giá xuất kho phương pháp nhập trước – xuất trước.

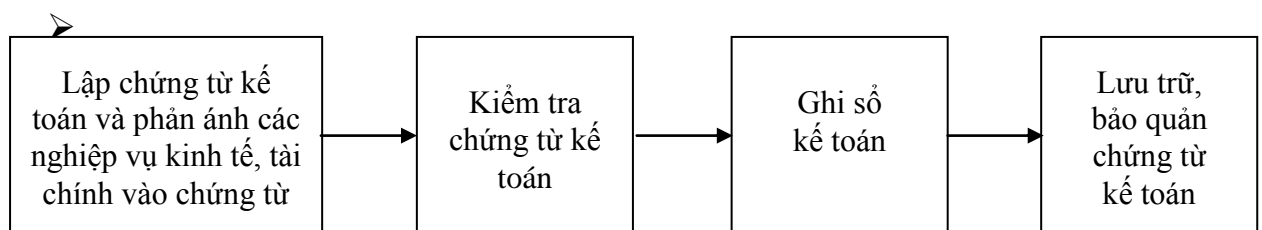
- *Phương pháp tính khấu hao TSCĐ:* Công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

- Hệ thống chứng từ kế toán:

- Trình tự và thời gian luân chuyển chứng từ kế toán do kế toán trưởng đơn vị quy định. Chứng từ gốc do đơn vị lập ra hoặc từ bên ngoài vào đều phải tập trung vào bộ phận kế toán của công ty. Bộ phận kế toán kiểm tra kỹ những chứng từ đó, xác minh là đúng thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

### Sơ đồ 2.6

*Trình tự luân chuyển chứng từ*



## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

➤ Hệ thống chứng từ doanh nghiệp sử dụng theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

### **• Hệ thống báo cáo kế toán**

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- |  |                  |
|--|------------------|
| + Bảng Cân đối kế toán                 | Mẫu số B01 - DNN |
| + Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN |
| + Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ           | Mẫu số B03 - DNN |
| + Bản Thuyết minh báo cáo tài chính    | Mẫu số B09 - DNN |
| + Bảng Cân đối tài khoản               | Mẫu số F01 - DNN |

Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Bản Thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo bắt buộc, gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng Cân đối tài khoản.

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập.

## **2.2, Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Phú Hải.**

### **2.2.1, Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Phú Hải**

#### **❖ Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty:**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần Phú Hải là toàn bộ số tiền bán các loại sản phẩm bàn, ghế, tủ, gỗ ghép thanh, ghép tấm, ván sàn.....

Doanh thu bán hàng: Đó là doanh thu từ bán các loại sản phẩm do công ty sản xuất ra, đây là sản phẩm thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng và được hạch toán vào tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm.

❖ *Phương thức tiêu thụ:*

Tuỳ thuộc vào từng mặt hàng và nhu cầu của khách hàng mà công ty áp dụng phương thức bán buôn hay bán lẻ.

Phương thức bán buôn áp dụng đối với tất cả khách hàng mua với số lượng lớn, đây là phương thức bán hàng mang lại doanh thu chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp. Theo phương thức này, sau khi công ty làm xong các thủ tục pháp lý như ký hợp đồng mua bán, viết các hoá đơn giá trị gia tăng, hàng hoá được giao trực tiếp cho khách hàng hoặc công ty vận chuyển đến tận nơi và được ghi nhận là tiêu thụ.

Phương thức bán lẻ: áp dụng đối với các khách hàng mua với số lượng nhỏ và tỷ trọng doanh thu nhỏ hơn so với phương thức bán buôn.

Căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh, kế toán lập các chứng từ có liên quan theo đúng quy định, chuẩn mực. Khi có đủ chứng từ kế toán mới tiến hành ghi sổ kế toán.

❖ *Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty:*

Giá vốn hàng bán của công ty cổ phần Phú Hải được xác định căn cứ vào trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho dùng để sản xuất ra sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song. Tại kho, thủ kho theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn của các loại nguyên vật liệu nhập kho thông qua thẻ kho. Tại phòng kế toán, kế toán theo dõi tình hình tăng giảm của hàng tồn kho thông qua các sổ chi tiết thành phẩm, hàng hoá và bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn trong kỳ.

❖ *Phương pháp tính giá vốn:*

Tại công ty cổ phần Phú Hải tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Theo phương pháp này đơn giá xuất kho của mỗi sản phẩm được xác định như sau:

Theo phương pháp này hàng nào nhập về trước thì xuất ra trước, xuất hết lần nhập trước mới tính đến lần nhập sau và chú ý là hàng tồn đầu kỳ được coi là hàng nhập lần đầu tiên.

**❖ Chứng từ sử dụng:**

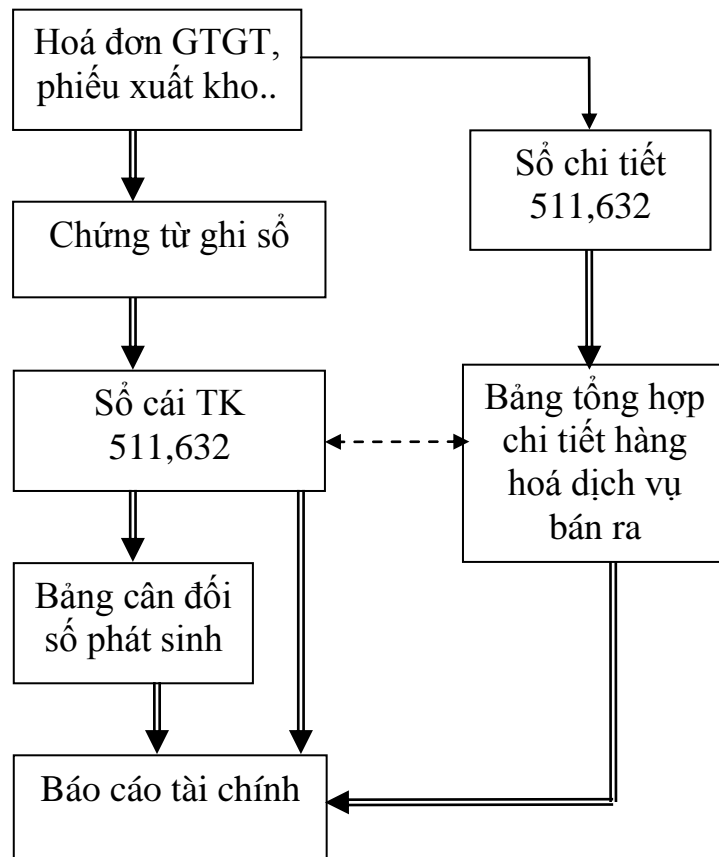
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán

**❖ Tài khoản sử dụng**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 155: Thành phẩm
- Và các tài khoản khác có liên quan

**❖ Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chứng từ ghi sổ
- Sổ cái các tài khoản: TK511, 632, 131, 111, 112, 155....
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn hàng bán, sổ chi tiết thành phẩm...
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng
- Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn...
  - Quy trình luân chuyển chứng từ



**Ghi chú :**

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ←- - - -> : Đối chiếu, kiểm tra

\* Thực tế doanh thu tại công ty:

Ngày 5/10 công ty cổ phần Phú Hải bán cửa cho công ty cổ phần xây dựng số 1 Hải Dương, công ty cổ phần xây dựng số 1 Hải Dương chưa thanh toán.

Cửa đi 176,773 m<sup>2</sup> đơn giá là 630.000 đồng / m<sup>2</sup>

Cửa sổ 96,571 m<sup>2</sup> đơn giá là 500.000 đồng / m<sup>2</sup>

Ô kính trên cửa 49,56 m<sup>2</sup> đơn giá là 470.000 đồng / m<sup>2</sup>

- Trình tự thực hiện:

- Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Tại phòng tài chính kế toán, kế toán giá thành, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh viết hoá đơn GTGT để lấy doanh thu, Công ty cổ phần xây dựng số 1 chưa thanh toán tiền.



## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

- Kế toán nguyên vật liệu viết phiếu xuất kho để ghi nhận giá vốn hàng bán.
- Từ các chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho kế toán vào chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua.

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái TK 511,632

+ Kế toán định khoản:

- Giá vốn:

Nợ TK 632 : 139.128.715

Có TK 156 : 139.128.715

- Giá bán:

Nợ TK 131 : 201.240.259

Có TK 511 : 182.945.690

Có TK 3331: 18.294.569

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

### Biểu số 2.1

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số 01-GTKT 3-LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			AL/2010B		
Liên 3: Nội bộ			0062593		
Ngày 5 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: công ty cổ phần Phú Hải					
Địa chỉ: Phú Lương – Nam Đồng – Hải Dương					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MS: 0800287489		
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Nam					
Tên đơn vị: công ty cổ phần xây dựng số 1 Hải Dương					
Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thanh Nghị - TP Hải Dương					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MS: 0800288210					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
01	Cửa đi PN Kính gỗ dẻ (100*40)	M2	176,773	630.000	111.366.990
02	Cửa sổ kính gỗ dẻ (80*40)	M2	96,571	500.000	48.285.500
03	Ô kính trên cửa gỗ dẻ	M2	49,56	470.000	23.293.200
Cộng tiền hàng:					182.945.690
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		18.294.569
Tổng cộng tiền thanh toán:					201.240.259
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm lẻ một triệu hai trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm chín đồng.					
Người bán hàng (đã ký)		Người mua hàng (đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (đã ký)	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Biểu số 2.2

Công ty Cổ Phần Phú Hải  
Phú Lương, Nam Đồng, Hải Dương

Mẫu số 02-VT  
Theo QĐ:48/2006- QĐ-BTC  
Ngày 14 tháng 09 năm 2006  
Của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 5 tháng 10 năm 2010

Số: 16/04  
Nợ: 632  
Có: 155

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ: Cty cổ phần xây dựng số 1 - Hải Dương

Lý do xuất: Bán theo đơn đặt hàng

Xuất tại kho: Số 1

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Cửa đi PN kính gỗ dẻ (100*40)		M <sup>2</sup>	176,773	176,773	479.110	84.603.712
02	Cửa sổ kính gỗ dẻ (80*40)		M2	96,571	96,571	380.248	36.720.929
03	Ô kính trên cửa gỗ dẻ		M2	49,56	49,56	357.432	17.714.329
	<b>Cộng</b>						<b>139.128.715</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm ba mươi chín triệu một trăm hai tám nghìn bảy trăm mười năm đồng.

Số chứng từ kèm theo:..... Ngày 05 tháng 10 năm 2010

<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người giao hàng</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ kho</b> (Ký, họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)
--	--	--------------------------------	---------------------------------------	---

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

### Biểu số 2.3

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải**

Mẫu số: S02a-DNN

**Địa chỉ: Phú Lương – Hải Dương**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### **Chứng từ ghi số**

Số 14/10

Tháng 10 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Bán cửa đi PN Kính gỗ dẻ (100*40)	131	511	111.366.990	
		333	11.136.699	
Bán cửa sổ kính gỗ dẻ (80*40)	131	511	48.285.500	
		333	4.828.550	
Bán ô kính trên cửa gỗ dẻ	131	511	23.293.200	
		333	2.329.320	
.....	....	....	....	
Cộng:	×	×	362.178.650	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải**

Mẫu số: S02a-DNN

**Địa chỉ: Phú Lương – Hải Dương**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**Chứng từ ghi số**

Số 15/10

Tháng 10 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Xuất cửa đi PN Kính gỗ dẻ (100*40)	632	155	84.603.712	
Xuất cửa sổ kính gỗ dẻ (80*40)	632	155	36.720.929	
Xuất ô kính trên cửa gỗ dẻ	632	155	17.714.329	
.....	....	....	....	
Cộng:	×	×	139.128.715	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Biểu số 2.5

Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải

Phú Lương – Nam Đông – Hải Dương

### SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Sản phẩm Cửa

Tháng 10

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521.531, 532)
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						
			<b>Số phát sinh</b>						
5/10/2010	0062593	5/10/2010	Bán cửa đi PN Kính gỗ dẻ	131	176,773	630.000	111.366.990		
5/10/2010	0062593	5/10/2010	Bán cửa sổ kính gỗ dẻ	131	96,571	500.000	48.285.500		
5/10/2010	0062593	5/10/2010	Bán ô kính trên cửa gỗ dẻ	131	49,56	470.000	23.293.200		
		...	....				...		
			<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>362.178.650</b>		
			- Doanh thu thuần				<b>362.178.650</b>		
			- Giá vốn hàng bán				<b>275.433.929</b>		
			- Lãi gộp				<b>86.744.721</b>		

Sổ này có... Trang đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

Ngày mở sổ

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*Sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc - Lớp QT1101K*

***Biểu số 2.6***

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI

Địa chỉ: Phú Lương - Hải Dương

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng Nguyễn Văn Nam**

**Loại tiền: VNĐ**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng Từ		Diễn giải	TK	Phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			PS Nợ	PS Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				—	
			<b>Phát sinh trong kỳ</b>					
5/10	14/10	30/10	Bán cửa đi, cửa sổ, ô kính trên cửa	511 3331	182.945.690 18.294.569			
15/10	1/10	30/10	Nguyễn Văn Nam nộp tiền bán cửa	1111		201.240.259		
....	....	.....	.....	.....	.....	.....		
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>		<b>437.370.439</b>	<b>201.240.259</b>		
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>236.130.180</b>	

**Kế toán ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Biểu số 2.7

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI

Địa chỉ: Phú Lương - Hải Dương

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT**

**Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng**

*Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010*

ST T	Tên khách hàng	Số dư ĐK		Số phát sinh		Số dư CK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	.....	...	.....	...	...	...	
7	Nguyễn Văn Nam	-		437.370.439	201.240.259	236.130.180	
8	Nguyễn Thị Nga	12 000 000		159.531.666	171.531.666		
9	Trần Thị Thúy	10 500 000		12 350 000	8 000 000	14 850 000	
	.....	...	.....	...	...	...	
	<b>Cộng</b>	<b>84.867.911</b>		<b>1.257.232.936</b>	<b>1.088.998.889</b>	<b>253.101.958</b>	

**Kế toán ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*



# Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

## Biểu số 2.8

Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải  
Phú Lương – Nam Đồng – Hải Dương

Mẫu số: S02c1 – DNN  
( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC )

### SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Số hiệu: TK 511  
Năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	S/hiệu TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu năm				
			Số phát sinh tháng				
5/10/10	14/10	5/10/10	Doanh thu bán hàng	131		111.366.990	
5/10/10	14/10	5/10/10	Doanh thu bán hàng	131		48.285.500	
5/10/10	14/10	5/10/10	Doanh thu bán hàng	131		23.293.200	
		...	.....		.....	.....	
30/10/10	20/10	30/10/10	K/C doanh thu bán hàng	911	2.926.895.855		
			Cộng phát sinh tháng		2.926.895.855	2.926.895.855	
			Số dư cuối tháng			—	
			Cộng lũy kế từ đầu quý				

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
( Ký, họ tên )

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên )

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu )

# Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

## Biểu số 2.9

Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải  
Phú Lương – Nam Đồng – Hải Dương

Mẫu số: S02c1 – DNN  
( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC )

### **SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

Năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	S/hiệu TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu năm				
			Số phát sinh tháng				
5/10/10	14/10	5/10/10	Bán cửa đi PN kính gỗ dẻ	155	84.603.712		
5/10/10	14/10	5/10/10	Bán cửa sổ kính gỗ dẻ	155	36.720.929		
5/10/10	14/10	5/10/10	Bán ô kính trên cửa gỗ dẻ	155	17.714.329		
		...	.....		.....	.....	
30/10/10	20/10	30/10/10	K/C giá vốn hàng bán	911		2.251.147.775	
			Cộng phát sinh tháng		2.251.147.775	2.251.147.775	
			Số dư cuối tháng				
			Cộng lũy kế từ đầu quý				

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ  
( Ký, họ tên )

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên )

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu )

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Biểu số 2.10

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI

Địa chỉ: Phú Lương - Hải Dương

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

**Tài khoản 131: - Phải thu khách hàng**

Chứng từ			Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps Nợ	Ps Có
			Số dư đầu kỳ		<b>84.867.911</b>	
			.....		.....	.....
HD	5/10	0062593	Bán cửa cho công ty xây dựng số 1 Hải Dương	511	182.945.690	
PT	5/10	15/05	Nguyễn Văn Nam nộp tiền mua cửa	1111		182.945.690
PT	16/10	20/05	Nguyễn Thị Nga trả tiền mua ván sàn và nợ cũ	1111		171.531.666
			.....		.....	.....
PT	2/11	05/06	Nguyễn Thị Thuý trả tiền nợ cũ	1111		8.000.000
			.....		.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.257.232.936</b>	<b>1.088.998.889</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>253.101.958</b>	

**Kế toán ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**2.2.2, Thực trạng công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần Phú Hải.**

- Chi phí bán hàng trong công ty cổ phần Phú Hải là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm của công ty bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu phục vụ công tác bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí khác phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần Phú Hải là toàn bộ chi phí phục vụ cho hoạt động quản lý chung của toàn doanh nghiệp bao gồm: chi phí về lương nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho quản lý doanh nghiệp, thuê, phí, lệ phí, các chi phí lao vụ dịch vụ mua ngoài.

➤ **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 642: chi phí kinh doanh
- Và các tài khoản khác có liên quan

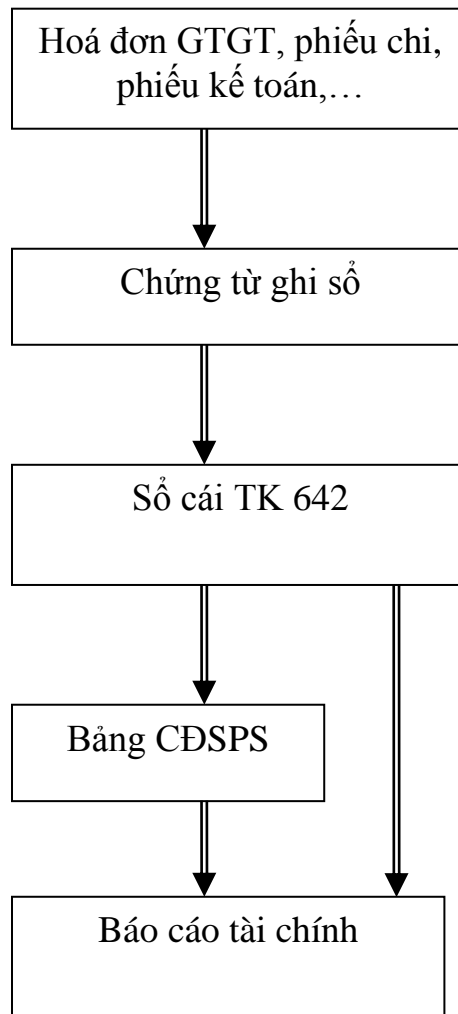
➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Phiếu xuất kho
- Bảng chấm công
- Và các chứng từ kế toán có liên quan....

➤ **Sổ kế toán sử dụng**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản 642
- Và các sổ kế toán có liên quan...

➤ **Quy trình hạch toán**



**Ghi chú:**

⇒ : Ghi cuối tháng, quý, năm

\* *Thực tế kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty:*

Ngày 21/10 thanh toán tiền điện thoại số tiền là 783.712 đồng.

+ Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 :        712.465

Nợ TK 133 :        71.246

Có TK 111 :783.711

+ Trình tự hạch toán:

- Từ hoá đơn tiền điện kế toán tiền mặt lập phiếu chi.

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

- Căn cứ vào chứng từ gốc: HĐGTGT, phiếu chi kế toán vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 642

### Biểu số 2.11

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải  
Phú Lương – Hải Dương**

Mẫu số 02 - TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC )

### **PHIẾU CHI**

Ngày 21 tháng 10 năm 2010      Nợ TK 642

Nợ TK 133

Có TK 111

Họ và tên:      Đào Minh Đức

Địa chỉ:      Cty cổ phần Phú Hải

Lý do nộp tiền: Trả tiền điện thoại

Số tiền: 783.711

Viết bằng chữ : Bảy trăm tám ba nghìn bảy trăm mười một đồng

Kèm theo:      01 Chứng từ gốc

Ngày 21 tháng 10 năm 2010

<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

**Biểu số 2.12**

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải**  
**Địa chỉ: Phú Lương – Hải Dương**

Mẫu số: S02a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**Chứng từ ghi số**  
**Số 05/10**  
**Tháng 10 năm 2010**

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Trả tiền điện cho bộ phận quản lý	642	111	712.465	
Tính lương nhân viên quản lý	642	334	10.650.000	
.....	.....	.....	.....	
Cộng:	×	×	18.062.465	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

## Biểu số 2.13

Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải

Mẫu số: S02c1 – DN

Phú Lương – Nam Đồng – Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC )

### SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

Năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	S/hiệu TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			<b>Số dư đầu năm</b>				
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
31/1	01/1	31/1	Nộp thuế môn bài	111	1.000.000		
4/2	01/1	4/2	Trả tiền vận chuyển ván sàn, cửa	111	2.857.143		
21/10	05/10	21/10	Trả tiền ĐT tháng 10	111	712.465		
30/10	05/10	30/10	Tính lương nhân viên quản lý tháng 10	334	10.650.000		
...	..	...	....	..	..		
31/12	05/12	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911		216.749.580	
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>216.749.580</b>	<b>216.749.580</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>		—		
			<b>Cộng lũy kế từ đầu quý</b>				

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**2.2.3, Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần Phú Hải.**

**2.2.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

➤ **Nội dung:**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm 2010 của công ty cổ phần Phú Hải là lãi tiền gửi vào tài khoản ngân hàng.

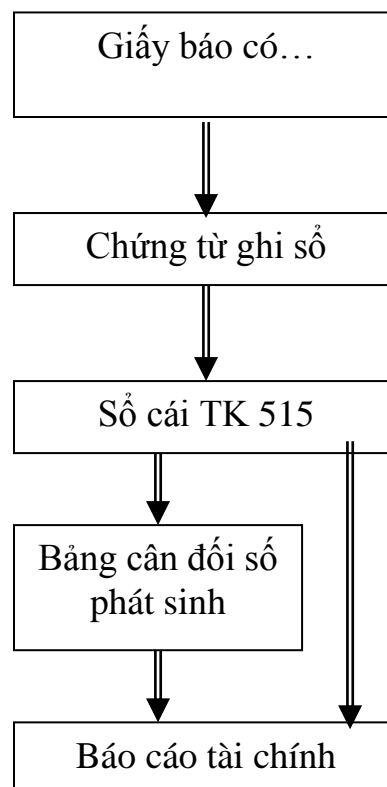
➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có, Sao kê tài khoản ngân hàng ...
- Phiếu kế toán

➤ **Sổ kế toán sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 515

➤ **Quy trình luân chuyển chứng từ:**



**Ghi chú:**

⇒ : Ghi cuối tháng, quý, năm

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

---

\* Thực tế tại công ty

Ngày 31/12/2010, nhận được Giấy báo có của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn về lãi tiền gửi được hưởng.

Trình tự hạch toán:

Kế toán tập hợp chứng từ gốc: Giấy báo lãi, kế toán ghi vào chứng từ ghi sổ..  
Căn cứ vào chứng từ ghi sổ lập sổ cái TK 515.

Biểu 2.14

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN

MÃ GDV: BATCH

MÃ KH: 0100109782

**GIẤY BÁO CÓ**

Hải Dương

Ngày 31/12/2010

Giờ in: 9:30:11

Số chứng từ: 012.5789.2980

Ngày giờ nhận

Đã hạch toán

Số chuyển tiền: 89475234980342

Note:

Hôm nay, chúng tôi xin trân trọng thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 09000034052

Số CMT:

Địa chỉ: Phú Lương - Hải Dương

Số tiền: VNĐ 505.517

**Năm trăm lẻ năm nghìn năm trăm mười bảy đồng.**

Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng NN và PTNT- HẢI DƯƠNG

Mã VAT Ngân hàng: 010021256304134

Mã VAT khách hàng: 0200566787

GIAO DỊCH VIÊN

LIEN 2

PHONG NGHIEP VU

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Biểu 2.15

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải**  
**Địa chỉ: Phú Lương – Hải Dương**

Mẫu số: S02a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**Chứng từ ghi số**  
Số 05/12  
Tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
.....	....	....	....	
Thu tiền khách hàng	112	131	68.923.650	
Lãi tiền gửi ngân hàng.	112.	515.	505.517	
Cộng:	×	×	196.291.680	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Biểu số 2.16

Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải

Mẫu số: S02c1 – DN

Phú Lương – Nam Đồng – Hải Dương

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/09/2010 của Bộ trưởng BTC )

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

Năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	S/hiệu TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			<b>Số dư đầu năm</b>				
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
31/12	05/12	31/12	Lãi tiền gửi nhận được	112		505.517	
31/12	05/12	31/12	Kết chuyển lãi	911	505.517		
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>505.517</b>	<b>505.517</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>		—		
			<b>Cộng lũy kế từ đầu quý</b>				

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kê toán trưởng

Giám đốc

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.3.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính**

➤ **Nội dung :**

Chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần Phú Hải là lãi tiền vay.

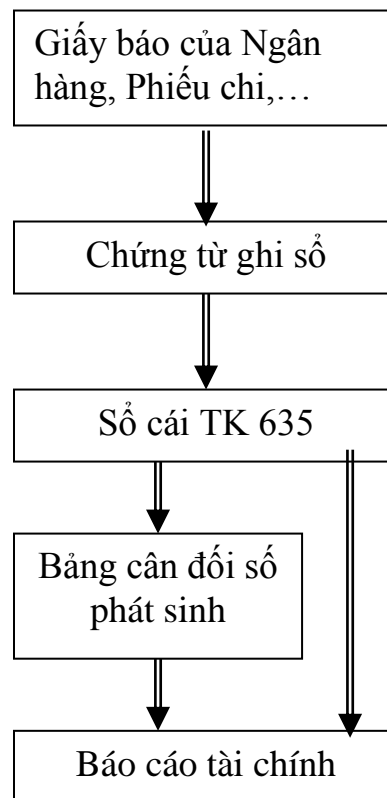
➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán, Phiếu chi, Giấy Báo Nợ.

➤ **Sổ kế toán sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 635

➤ **Quy trình luân chuyển chứng từ:**



**Ghi chú:**

⇒ : Ghi cuối tháng, quý, năm

\* Thực tế kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty:

Ngày 31/10/2010 nhận được giấy báo nợ của ngân hàng về lãi tiền vay phải trả: 6.225.625 đồng.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nhận được giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán định khoản

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

---

Nợ TK 635: 6.225.625

Có TK 112: 6.225.625

- Căn cứ vào giấy báo của ngân hàng, kế toán vào sổ chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 635

Biểu số 2.17

**Giấy báo Nợ ngày 31/10/2010**

Ngân Hàng Công Thương  
Chi nhánh: SGD HẢI DƯƠNG

PDN SỐ GIAO DỊCH HD

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 30/10/2010

002

Mã GDV: DO THỊ TRANG

Mã KH: 55679

Sở GD:

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Phú Hải

MST: 0800287489

Chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 30955559

Số tiền bằng số: 6.225.625

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu hai trăm hai mươi năm nghìn sáu trăm hai năm đồng

Nội dung: Lãi tháng 10

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

*Biểu số 2.18*

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải**

**Mẫu số S02a\_DNN**

**Địa chỉ: Phú Lương – Hải Dương**

*Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC*

**Chứng từ ghi số**  
Số 02/10  
Tháng 10 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Trả lãi tiền vay	635	112	6.225.625	
.....	.....	.....	.....	
Cộng:	×	×	27.553.625	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

## Biểu số 2.19

Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải

Mẫu số: S02c1 – DN

Phú Lương – Nam Đồng – Hải Dương

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/09/2010 của Bộ trưởng BTC )

### SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 635

Năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	S/hiệu TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			<b>Số dư đầu năm</b>				
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
28/2	02/10	28/2	Trả lãi tiền vay tháng 2	112	7.116.667		
31/10	02/10	31/10	Trả lãi tiền vay tháng 10	112	6.225.625		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
31/10	07/10	31/10	Kết chuyển CPHĐTC tháng 10	911		269.331.290	
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>269.331.290</b>	<b>269.331.290</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>		—		
			<b>Cộng lũy kế từ đầu quý</b>				

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

( Ký, họ tên )

( Ký, họ tên )

( Ký, họ tên, đóng dấu )



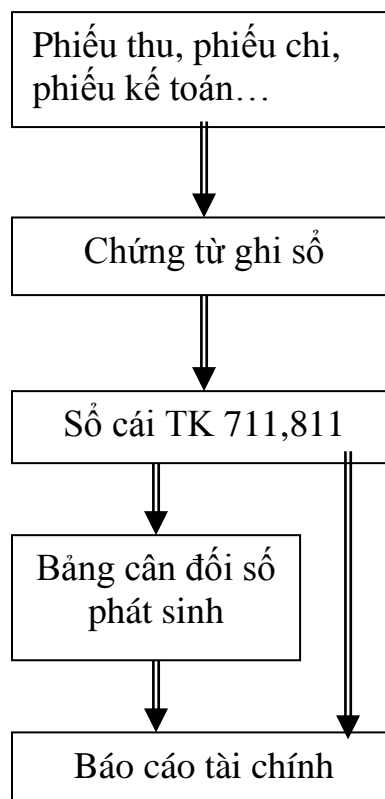
**2.2.4, Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại công ty cổ phần Phú Hải.**

Doanh thu và chi phí hoạt động khác tại công ty cổ phần Phú Hải chủ yếu là doanh thu từ thanh lý, nhượng bán và các chi phí khác phát sinh không thường xuyên trong hoạt động của doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Giấy báo nợ

➤ **Quy trình hạch toán nghiệp vụ phát sinh**



**Ghi chú:**

⇒ : Ghi cuối tháng, quý, năm

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

\* *Thực tế kế toán doanh thu khác tại công ty:*

Ngày 23/10 công ty nhận được số tiền đền bù do vi phạm hợp đồng của công ty TNHH xuất nhập khẩu gỗ Vinh Thái thông qua tài khoản tại ngân hàng Vietcombank (Công ty TNHH XNK gỗ Vinh Thái cung cấp gỗ muôn hơn so với hợp đồng 10 ngày)

- Từ Giấy báo có kế toán vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ Cái TK711

Biểu số 2.20: Giấy báo có của ngân hàng Vietcombank

NGAN HANG CONG THUONG VN	GIAY BAO CO	IBT - ONLINE
So chung tu: 043.1878.0004	Ngày: 23/10/2010	Gio in: 10:52:46AM
So chuyen tien: 43208061700004	Ngày gio nhan:	
Note:		
NHNT Phu Tai	TK Ghi No:	
Nguai tra tien: LE VINH THAI		
So tai khoan: 110101001		
Địa chỉ:		
NHNT Hai Duong	TK Ghi Co: 31000069212	
Nguai huong: Cty Co phan PHU HAI		
So tai khoan: 00031000069212	Tai NH: VCB HAI DUONG	
So CMT:		
Địa chỉ:		
So tien: VND 30,000,000.00		
<b>Ba muoi trieu VND</b>		
Noi dung: LE VINH THAI -CTY TNHH XNK VINH THAI THANH TOAN CONG NO		
Ma VAT Ngan hang: 0100112437055	Ma VAT khách hang:	
GIAO DICH VIEN	LIEN 2	PHONG NGHIEP VU

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Biểu số 2.21

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải**

**Mẫu số S02a\_DNN**

**Địa chỉ: Phú Lương – Hải Dương**

*Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006  
của Bộ trưởng BTC*

**Chứng từ ghi số**  
Số 04/10  
Tháng 10 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tiền đền bù do vi phạm hợp đồng	112	711	30.000.000	
Lãi tiền gửi	112	515	128.000	
.....	.....	.....	.....	
Cộng:	×	×	30.128.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

## Biểu số 2.22

Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải

Mẫu số: S02c1 – DN

Phú Lương – Nam Đồng – Hải Dương

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/09/2010 của Bộ trưởng BTC )

### SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: TK 711

Năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	S/hiệu TK đ/ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			<b>Số dư đầu năm</b>				
			<b>Số phát sinh tháng</b>				
23/10	04/10	23/10	Nhận tiền đền bù do vi phạm hợp đồng	112		30.000.000	
31/12	07/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	30.000.000		
			<b>Cộng phát sinh tháng</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	
			<b>Số dư cuối tháng</b>		—		
			<b>Cộng lũy kế từ đầu quý</b>				

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.5, Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Phú Hải.**

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\text{Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng doanh thu thuần} - \text{Chi phí hợp lý hợp lệ} + \text{Thu nhập khác}$$

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

- Chứng từ sử dụng trong công tác hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty là phiếu kế toán.
- Tài khoản sử dụng bao gồm:
  - + TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
  - + TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Các chỉ tiêu để xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty:

- Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = LN gộp + (Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính) – (Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp) -
- Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác
- Tổng lợi nhuận trước thuế
- = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác
- Chi phí thuế TNDN hiện hành = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế \* 25%
- Lợi nhuận sau thuế = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN hiện hành

**\* Sổ kế toán sử dụng**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 911,421
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

*\* Thực tế kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty:*

- Ngày 31/12, kế toán thực hiện xác định kết quả kinh doanh năm 2010 tại công ty, từ các số liệu trên sổ cái các TK 511,515,711,632,641,642,635,821, kế toán lập phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, chi phí năm 2010.

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Biểu số 2.23

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI

Địa chỉ: PHÚ LƯƠNG - HẢI DƯƠNG

### **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

#### **Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh**

Chứng từ			Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Ps Nợ	Ps Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
PK	31/12	PKT87	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		2.926.895.855
PK	31/12	PKT88	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	2.251.147.775	
PK	31/12	PKT89	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	216.749.580	
PK	31/12	PKT90	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		505.517
PK	31/12	PKT91	Kết chuyển thu nhập khác	711		30.000.000
PK	31/12	PKT92	Kết chuyển chi phí tài chính	635	269.331.290	
PK	31/12	PKT93	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	61.648.364	
PK	31/12	PKT94	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	158.524.363	
			<b>Cộng ps trong kỳ</b>		<b>2.957.401.372</b>	<b>2.957.401.372</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

**Biểu số 2.24**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI

Địa chỉ: PHÚ LƯƠNG - HẢI DƯƠNG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

*Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010*

**Tài khoản 821: - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chứng từ			Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
PK	31/12	PKT95	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	55.043.182	
PK	31/12	PKT96	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		55.043.182
			Cộng ps trong kỳ		<b>55.043.182</b>	<b>55.043.182</b>
			số dư cuối kỳ			

**Biểu số 2.25**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI

Địa chỉ: PHÚ LƯƠNG - HẢI DƯƠNG

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

*Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010*

**Tài khoản 421: - Lợi nhuận chưa phân phối**

Chứng từ			Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			<b>116.823.526</b>
PK	31/12	PKT97	kết chuyển lãi năm 2010	911		165.128.545
			Cộng ps trong kỳ			<b>165.128.545</b>
			số dư cuối kỳ			<b>281.952.071</b>



## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

### Biểu 2.26: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2010

Đơn vị: Công ty Cổ phần Phú Hải  
Địa chỉ: Phú lương - Hải Dương

Mẫu số B02-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

#### **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2010

Đơn vị tính: **Đồng**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		2,926,895,855	1,926,314,888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		2,926,895,855	1,926,314,888
4. Giá vốn hàng bán	11		2,251,147,775	1,460,291,085
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		675,748,080	466,023,803
6. Doanh thu hoạt động TC	21		505,517	
7. Chi phí tài chính	22		269.331.290	154.911.867
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		269.331.290	154.911.867
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		216.749.580	205.347.234
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		190.172.727	105.764.702
10. Thu nhập khác	31		30.000.000	50.000.000
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		30.000.000	50.000.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		220.172.727	155.764.702
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		55.043.182	38.941.176
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		165.129.545	116.823.526

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2011  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu)

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI**

#### **3.1, Nguyên tắc của việc hoàn thiện**

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong giai đoạn đó 2006-2010 là giai đoạn củng cố hội nhập, giai đoạn này tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp
- Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.
- Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

#### **3.2, Đánh giá thực trạng tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Phú Hải.**

##### **3.2.1, Kết quả đạt được**

###### **\* Về tổ chức bộ máy kế toán**

- Là chi nhánh có qui mô nhỏ, chủ yếu hoạt động sản xuất, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

- Bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ gồm có 1 kế toán trưởng và 1 kế toán viên nhưng vẫn đảm bảo cho việc tổ chức công tác kế toán được thực hiện đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho nhà quản lý đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời và đúng đắn.

- Với trình độ chuyên môn cao, có tinh thần, trách nhiệm trong công việc, bộ phận kế toán đã thực hiện khá tốt công tác kế toán tại Công ty. Công tác tổ chức bố trí công việc cho cán bộ kế toán phù hợp với khả năng và nguyện vọng của từng người nên mọi công việc đều được hoàn thành có hiệu quả.

### **\* Về hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán tương đối đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức

### **\* Về chứng từ kế toán sử dụng**

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng,

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

### **\* Về sổ sách kế toán sử dụng**

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước.

Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

### **\* Về hệ thống báo cáo kế toán:**

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

### **\* Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Phú Hải:**

- Việc hạch toán doanh thu, chi phí được bộ máy kế toán thực hiện tương đối chính xác, phù hợp với nguyên tắc hạch toán doanh thu, giá vốn theo các chuẩn mực kế toán qui định. Các kế toán của Công ty thường xuyên cập nhật những quy định kế toán mới được ban hành để công tác kế toán trong Công ty ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn với chế độ của nhà nước.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Công ty đảm bảo hạch toán doanh thu chi tiết, đầy đủ, kịp thời. Cụ thể các hóa đơn GTGT được nhập ngay vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ trên tất cả các sổ sách liên quan từ sổ chi tiết cho đến sổ tổng hợp.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được cập nhật nhanh chóng

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng quý vì vậy sẽ luôn

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty ra những quyết định đúng đắn về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

### **3.2.2, Những tồn tại**

Bên cạnh những kết quả đạt được của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Phú Hải vẫn còn một số hạn chế sau:

#### **\* Về chính sách bán hàng:**

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

#### **\* Về hệ thống sổ kế toán sử dụng**

Hiện nay, tại Công ty đang sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, mặc dù chứng từ ghi sổ đã được lập nhưng thiếu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh.

#### **\* Về thời điểm ghi chép sổ sách kế toán**

Đa số các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu, chi phí phát sinh được ghi vào cuối tháng nên công việc kế toán tại phòng kế toán bị dồn vào cuối tháng rất nhiều, điều này có ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây ra nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

#### **\* Về việc theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng:**

Doanh nghiệp không lập khoản dự phòng phải thu khó đòi để tránh những rủi ro cho Công ty. Đây là một hạn chế đối với Công Ty là một doanh nghiệp sản xuất với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của các khách hàng đôi khi còn rất chậm. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần lớn tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán. Điều đó càng làm cho vốn

kinh doanh của Công ty quay vòng chậm và ngày càng bị chiếm dụng và bị ứ đọng vốn.

### **3.3, Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Phú Hải.**

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, cá nhân em đã thấy được quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có rất nhiều điểm tích cực nhưng bên cạnh đó cũng có những mặt hạn chế. Trước yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, đồng thời thuận lợi cho quá trình làm việc của cán bộ kế toán Công ty và quá trình ra quyết định của các nhà quản trị, trên cơ sở những kiến thức được học và thực tế, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Phú Hải như sau:

#### **\* Ý kiến 1: Chính sách bán hàng**

Là một công ty có uy tín trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng giá trị lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên, trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như:

- Mở chi nhánh ở các tỉnh, thành phố khác để tìm kiếm bạn hàng mới, khách hàng mới cũng như để quảng bá thương hiệu của công ty.
- Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn.

Tùy từng mặt hàng, công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu cho phù hợp.

#### **\* Ý kiến 2: Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán**

Về trình tự ghi sổ kế toán Công ty cổ phần Phú Hải sử dụng hình thức ghi sổ “Chứng từ ghi sổ”. Nhưng trong thực tế kế toán Công ty lại không sử dụng Sổ

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Đăng kí chứng từ ghi sổ, đây là một thiếu sót cần khắc phục ngay vì Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ là một sổ kế toán tổng hợp được ghi chép theo thời gian, phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng. Nó có tác dụng:

Quản lý chặt chẽ chứng từ ghi sổ, kiểm tra đối chiếu số liệu với Sổ cái.

Mọi chứng từ ghi sổ sau khi đã lập xong đều phải đăng kí vào Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ để lấy số liệu về ngày tháng.

Số hiệu của các chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục từ đầu tháng đến cuối tháng, ngày tháng trên chứng từ ghi sổ được tính theo ngày tháng ghi vào “Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ”.

Tổng số tiền trên Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ bằng số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối số phát sinh. Điều này giúp cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu được chính xác và nhanh chóng.

**Biểu số 3.1: Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ**

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S02b –DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm...

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1	A	B	1
- Cộng tháng			- Cộng tháng		
- Cộng lũy kế từ đầu quý			- Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Số này có...trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày....tháng....năm...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

\* Ví dụ cụ thể:

Ngày 21/11 thanh toán tiền điện số tiền là 1.685.492 đồng.

+ Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 1.532.265

Nợ TK 133 : 153.227

Có TK 111 : 1.685.492

+ Căn cứ vào hóa đơn tiền điện kế toán lập:

- Phiếu chi
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

### **Biểu số 3.2**

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải**

Mẫu số 02 - TT

**Địa chỉ: Phú Lương – Hải Dương**

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC )

### **PHIẾU CHI**

Ngày 21 tháng 11 năm 2010

Nợ TK 642:	1.532.265
Nợ TK 133:	153.227
Có TK 111:	1.685.492

Họ và tên: Đào Minh Đức

Địa chỉ: Cty cổ phần Phú Hải

Lý do nộp tiền: Thanh toán tiền điện tháng 10

Số tiền: 1.685.492

Viết bằng chữ : Một triệu sáu trăm tám năm nghìn bốn trăm chín hai đồng.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 21 tháng 11 năm 2010

Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

**Biểu số 3.3**

**Đơn vị: Công ty cổ phần Phú Hải**  
**Địa chỉ: Phú Lương – Hải Dương**

**Mẫu số S02a\_DN**  
*Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC*

**Chứng từ ghi số**  
**Số 02/11**  
**Tháng 11 năm 2010**

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thanh toán tiền điện tháng 10	642	111	1.532.265	
	133	111	153.227	
.....	.....	.....	.....	
Cộng:	×	×	116.121.509	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI**  
**Địa chỉ: Phú Lương - Hải Dương**

**Mẫu số S02b –DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...	...	....
02/11	30/11/2011	116.121.509
03/11	30/11/2011	27.553.625
04/11	30/11/2010	30.128.000
...	...	....
- Cộng tháng		877.615.594
- Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...
- Ngày mở sổ:...

*Ngày....tháng....năm...*

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**\* Ý kiến 3: Lập dự phòng phải thu khó đòi**

*Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:*

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định dưới đây.

*Phương pháp lập dự phòng:*

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

*Xử lý khoản dự phòng:* Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm nêu trên;

- Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

*Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi:*

Nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm các khoản nợ sau:

- Đối với tổ chức kinh tế:

+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản hoặc quyết định của người có thẩm quyền về giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.

- Đối với cá nhân phải có một trong các tài liệu sau:

+ Giấy chứng tử (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết nhưng không có tài sản thừa kế để trả nợ.

+ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ.

+ Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với người nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý xóa nợ không thu hồi được của doanh nghiệp (nếu có).

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên mà không đủ chứng từ, tài liệu chứng minh theo quy định thì lập Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp để xem xét, xử lý theo quy định tại khoản này.

*Xử lý tài chính:*

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và ngoại bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

*Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi doanh nghiệp phải lập hồ sơ sau:*

- Biên bản của Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp. Trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).

- Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán, biên bản đối chiếu nợ được chủ nợ và khách nợ xác nhận hoặc Bản thanh lý hợp đồng kinh tế hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, tổ chức hoặc các tài liệu khách quan khác chứng minh được số nợ tồn đọng và các giấy tờ tài liệu liên quan.

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Thẩm quyền xử lý nợ:

Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị) hoặc Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp có Hội đồng thành viên); Tổng giám đốc, Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên) hoặc chủ doanh nghiệp căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý trách nhiệm theo chế độ hiện hành.

### ***Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:***

- *Tài khoản sử dụng :*

TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Bên nợ: - Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi

- Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi.

Bên có: Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dư có: Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ

Cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được ( Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập.

- *Hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu*

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Trong niên độ kế toán sau, khi đơn vị xác định các khoản nợ phải thu khó đòi thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131 - Phải thu khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “ Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

+ Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711 - Thu nhập khác

đồng thời ghi đơn vào bên có TK 004

Đơn vị có thể bán các khoản nợ phải thu khó đòi cho Công ty mua, bán nợ. Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán) cho công ty mua, bán nợ và thu được từ tiền

Nợ TK 111,112...

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ các TK liên quan( số chênh lệch giữa)

Có TK 131,138...



**Ví dụ cụ thể::**

Tại Công ty cổ phần Phú Hải năm 2010 có số dư nợ TK 131 - Phải thu khách hàng là 1.257.232.936 VNĐ trong đó căn cứ vào thời gian nợ thì số nợ quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm của Công ty là: 65.625.000 VNĐ, số nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm là: 21 450 000 VNĐ. Từ đó nếu Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Mức trích lập dự phòng năm 2010 là:

+ Đối với các khoản nợ khó đòi có thời gian nợ quá hạn từ 3 tháng đến 1 năm:

$$30\% \times 65.625.000 = 19.687.500 \text{ VNĐ}$$

+ Đối với các khoản nợ khó đòi có thời gian nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm:

$$50\% \times 21.450.000 = 10.725.000 \text{ VNĐ}$$

Như vậy tổng mức lập dự phòng là:  $19.687.500 + 10.725.000 = 30.412.500 \text{ VNĐ}$

Kế toán hạch toán khoản lập dự phòng như sau:

$$\text{Nợ TK 642: } 30.412.500 \text{ VNĐ}$$

$$\text{Có TK 139: } 30.412.500 \text{ VNĐ}$$

**\* Ý kiến 4: Ứng dụng phần mềm kế toán.**

Đến năm 2010, công ty vẫn sử dụng kế toán máy Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán. Công ty nên kết hợp kế toán máy Excel và phần mềm kế toán máy nhằm phát huy được những ưu điểm, hạn chế được những nhược điểm của hai hình thức.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Ví dụ phần mềm kế toán máy **Sas Innova...**

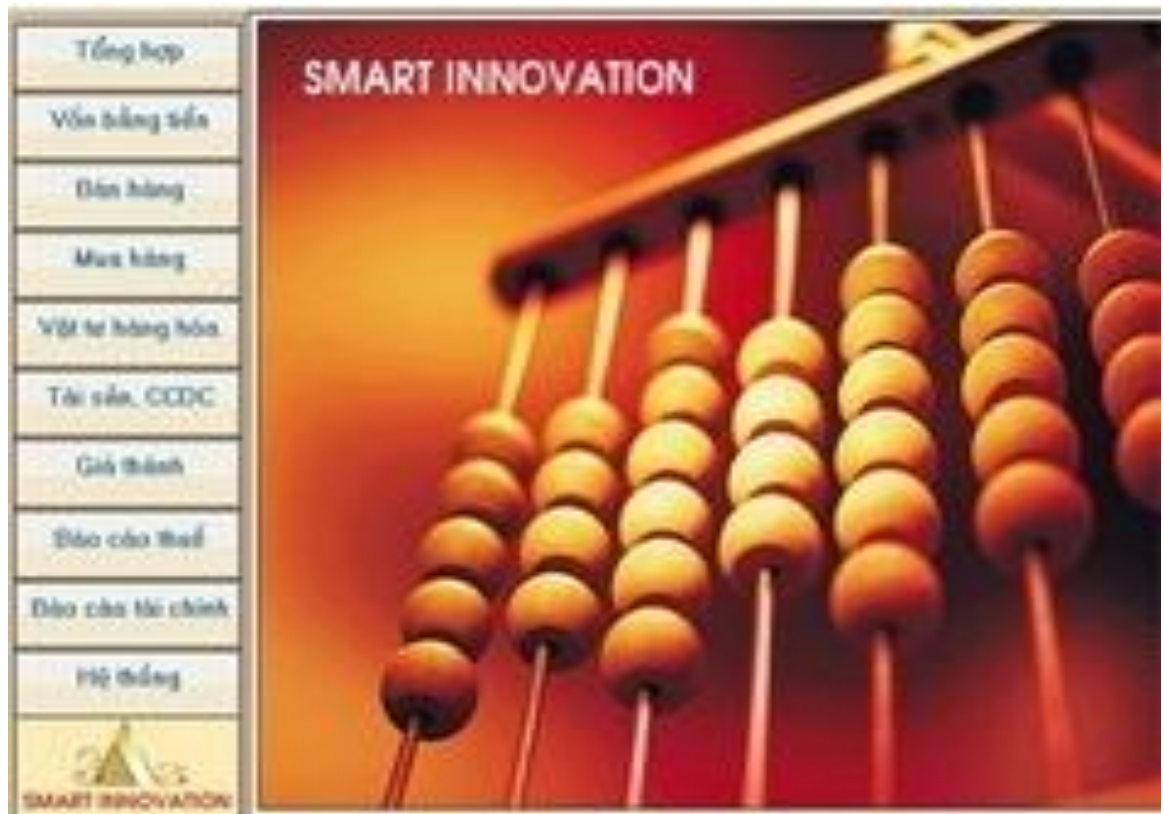
+ **Phần mềm kế toán SAS INNOVA** (phiên bản 6.8)

Phần mềm Quản trị Doanh nghiệp SAS INNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của Công ty SIS Việt Nam. Phiên bản đã được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Với sản phẩm này người sử dụng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh.

## Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Một số tính năng nổi bật như : người dùng chỉ việc lựa chọn giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản, cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự, cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên HĐ bán hàng....

Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm kế toán Sas Innova :



### **\* Ý kiến 5: Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy một tóm lược dòng tiền trong một thời kỳ. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, hay còn gọi là báo cáo dòng tiền hay báo cáo nguồn và sử dụng nguồn, thể hiện cách nhìn về dòng tiền hoạt động, dòng tiền đầu tư, và dòng tiền tài trợ.

Hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí mà bản chất là quá trình tiêu thụ hàng hóa một phần được thể hiện trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ qua các chỉ tiêu như: Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính,...

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Công ty nên lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ và so sánh các năm với nhau để từ đó thấy rõ hơn sự luân chuyển của dòng tiền, giúp công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hiệu quả hơn, giúp chủ doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình thực tế và đưa ra những chiến lược kinh doanh hiệu quả.

### **\* Ý kiến 6: Phân tích báo cáo tài chính:**

Hàng năm, công ty nên tiến hành phân tích báo cáo tài chính (hay phân tích tình hình tài chính) nhằm làm rõ xu hướng, tốc độ tăng trưởng, thực trạng tài chính của doanh nghiệp, chỉ ra những thế mạnh và cả tình trạng bất ổn nhằm đề xuất những biện pháp quản trị tài chính đúng đắn và kịp thời để phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

## **KẾT LUẬN**

Công ty cổ phần Phú Hải là một công ty sản xuất đồ gỗ có uy tín lớn ở Hải Dương nói riêng và thị trường trong nước nói chung, trong năm 2010 vừa qua đã có những biến đổi lớn. Cùng quá trình vận động của đất nước, cùng với sự trỗi dậy của nền sản xuất hàng hoá đất nước, Công ty cổ phần Phú Hải đã đạt được những thành tích tốt.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức và sự hiểu biết đã được học tại trường, được sự giúp đỡ, hướng dẫn của Ban lãnh đạo trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ths. Ngô Thị Thanh Huyền - Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên công ty Cổ phần Phú Hải, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như em xin gửi lời cảm ơn đến cô Ngô Thị Thanh Huyền, đã tận tình chỉ bảo, và đặc biệt cảm ơn tới các cán bộ kế toán của công ty cổ phần Phú Hải đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn, em được học hỏi nhiều hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Tài chính.
- 2, Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Thống kê.
- 3, Các bài khóa luận tốt nghiệp khoá trước của sinh viên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.
4. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam
5. Website: Webketoan. com  
Website: Tapchiketoan. com
6. Một số tài liệu sổ sách do Công ty Cổ phần Phú Hải cung cấp.

**MUC LUC**

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....	1
<b>PHẦN MỘT: TỔNG QUAN <b>VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b></b> .....	3
1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	3
1.1.1 Một số khái niệm cơ bản .....	3
1.1.2 Phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.1.2.1 Phân loại doanh thu. ....	6
1.1.2.2 Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh.....	8
1.1.2.3 Phân loại kết quả kinh doanh .....	8
1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	9
1.2.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	9
1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ...	10
1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	11
1.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu .....	11
1.3.2, Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	18
1.3.3 Tổ chức kế toán chi phí .....	19
1.3.4, Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	28
1.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	29
1.4.1.Hình thức kế toán Nhật ký chung. ....	30
1.4.2.Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái. ....	31
1.4.3.Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	32
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	33
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	34
<b>PHẦN HAI: THỰC TRẠNG <b>KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI</b></b> .....	<b>35</b>
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI.....	35
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Phú Hải .....	35

## **Khóa luận tốt nghiệp - Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn trong các năm gần đây: .....	36
2.1.3 Đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ và mô hình tổ chức bộ máy quản lý: .....	38
2.1.3.1. Đặc điểm sản phẩm và quy trình công nghệ: .....	38
2.1.3.2 Đặc điểm bộ máy quản lý của doanh nghiệp .....	39
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty .....	41
2.1.4.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty .....	41
2.1.4.2 Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.....	42
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Phú Hải.....	45
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Phú Hải.....	45
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần Phú Hải. ....	60
2.2.3 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần Phú Hải. ....	65
2.2.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	65
2.2.3.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	69
2.2.4 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại công ty cổ phần Phú Hải. ....	73
2.2.5 Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Phú Hải. ....	77
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HẢI.....</b>	<b>82</b>
3.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện .....	82
3.2 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Phú Hải. ....	82
3.2.1 Kết quả đạt được .....	82
3.2.2 Những tồn tại.....	85
3.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Phú Hải. ....	86
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>100</b>